ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 718 /BC-UBND	*Nghệ An, ngày 06 tháng 12 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Thực hiện kế hoạch năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại; cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng... Ở trong nước, những khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống. Trong tỉnh, tình hình thời tiết nắng nóng gay gắt, khô hạn kéo dài, cháy rừng diễn ra ở nhiều nơi; những tháng cuối năm xảy ra mưa lớn gây ngập lụt; tình hình dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp; giá cả của một số mặt hàng thiết yếu tăng đã ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh; ban hành sớm các kế hoạch, chương trình hành động, củng cố kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; chỉ đạo điều hành linh hoạt, quyết liệt, bám sát cơ sở; nhận định được những khó khăn, hạn chế, những nội dung trọng yếu để tập trung chỉ đạo; nhờ đó, kinh tế - xã hội năm 2019 đạt được nhiều kết quả quan trọng.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về tăng trưởng kinh tế

Trên cơ sở kết quả thực hiện 10 tháng năm 2019 và dự báo những tháng cuối năm, ước Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2019 (theo giá so sánh 2010) đạt khoảng 88.258 tỷ đồng, tăng 9,03% so với năm 2018. Trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản ước đạt 17.610 tỷ đồng, tăng 4,81%; khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 27.940 tỷ đồng, tăng 13,51% (riêng công nghiệp ước 17.650 tỷ đồng, tăng 14,92%); khu vực dịch vụ ước đạt 38.325 tỷ đồng, tăng 7,51%; thuế sản phẩm ước đạt 4.382 tỷ đồng, tăng 12,2% so với năm 2018. GRDP bình quân[1] đầu người năm 2019 ước đạt 43,08 triệu đồng.

---

[1] Kế hoạch 2019 dân số khoảng 3.169 ngàn người thì GRDP bình quân đầu người ước đạt 43 triệu đồng/KH 42-43 triệu đồng. Tuy nhiên số liệu Tổng điều tra dân số 2019 thì dân số 3.327 ngàn người, dân số tăng mạnh so với dự kiến; nếu chia theo số liệu dân số tổng điều tra thì GRDP bình quân đầu người thấp hơn, ước đạt 41,02 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 77,62% năm 2018 lên 78,64% năm 2019; tỷ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 22,38% năm 2018 xuống còn 21,36% năm 2019.

2. Về thu, chi ngân sách nhà nước

- Thu ngân sách 10 tháng năm 2019 thực hiện 12.947,85 tỷ đồng, đạt 95,9% dự toán, tăng 18,8% cùng kỳ. Trong đó: Thu nội địa thực hiện 11.602,1 tỷ đồng, đạt 98,3% dự toán, tăng 21,8% cùng kỳ (riêng thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết 8.878,9 tỷ đồng, đạt 94,4% dự toán, tăng 23,4% so với cùng kỳ); Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu thực hiện 1.345,74 tỷ đồng, đạt 79,2% dự toán, bằng 97,9% so với cùng kỳ. Ước thu ngân sách cả năm 2019 đạt khoảng 15.500 tỷ đồng, đạt 114,8% dự toán và tăng 10,2% so với năm 2018.

- Chi ngân sách 10 tháng thực hiện 20.093,19 tỷ đồng, đạt 82,5% dự toán, trong đó chi đầu tư phát triển 4.557,65 tỷ đồng, đạt 87,8% dự toán, chi thường xuyên 15.239,75 tỷ đồng, đạt 81,3% dự toán, chi dự phòng 295 tỷ đồng, đạt 72,5% dự toán, chi trả nợ gốc 601,87 tỷ đồng. Ước cả năm 2019, chi ngân sách đạt 24.945,44 tỷ đồng, đạt 102,5% dự toán.

3. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực

3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng nhanh giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích[2]. Tập trung chuyển đổi cơ cấu giống[3] để sản xuất các loại lúa chất lượng cao với diện tích trên 50.000 ha; tích cực thực hiện liên kết sản xuất, lấy doanh ghiệp làm nòng cốt để sản xuất theo chuỗi giá trị; đã có nhiều mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị thành công (sản xuất lúa chất lượng cao ở Yên Thành; sản xuất rau, củ quả tại Quỳnh Lưu;....); mở rộng diện tích trồng các loại rau màu hàng hóa có giá trị cao, theo nhu cầu thị trường; mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sản xuất trong nhà lưới, nhà màng...) để trồng các loại rau củ quả, hoa cây cảnh; tập trung chỉ đạo nâng cao giá trị sản phẩm gỗ thông qua chế biến, chế biến sâu; mở rộng diện tích nuôi tôm thâm canh theo công nghệ biofloc,...

Tổng diện tích cây lương thực ước thực hiện 233.838 ha, bằng 99,6% so với năm 2018; tổng sản lượng cây lương thực có hạt ước đạt 1.214 ngàn tấn, bằng 99,9% so với năm 2018, trong đó sản lượng lúa ước đạt 998.369 tấn, bằng 98,9% so với năm 2018. Các loại cây công nghiệp hàng năm được tập trung chăm sóc và phát triển khá: sản lượng mía ước đạt 1.442 ngàn tấn; sản lượng lạc ước đạt 35.113 tấn... Cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, như: sản lượng cam, quýt tập trung ước đạt 58.100 tấn, tăng 22,4%; sản lượng chè búp tươi ước đạt 78.200 tấn, tăng 1,41%... Chăn nuôi vẫn duy trì ổn định[4], phát triển theo hướng trang trại, gia

[2] Thu nhập bình quân đạt 85 triệu/ha đất nông nghiệp

[3] Cơ cấu giống lúa tiếp tục chuyển đổi tích cực: Diện tích lúa lai giảm, người dân tập trung sản xuất lúa chất lượng, có giá trị cao, dễ tiêu thụ (trên 50.000 ha), làm tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích như: AC5, DT52, BTE1, Vật tư NA6, nếp 8787, lúa thảo dược...

[4] Tổng đàn trâu tại thời điểm tháng 10/2019 ước đạt 274.076 con, giảm 0,57% so với cùng kỳ. Tổng đàn bò ước đạt 473.192 con, tăng 1,90% so với cùng kỳ năm 2018; Tổng đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ) ước

trại[5], dịch vụ trồng cỏ phục vụ chăn nuôi tăng khá[6]; riêng đàn lợn giảm 9,84% do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 10 tháng ước đạt 215.000 tấn, cả năm ước đạt 237.000 tấn; sản lượng sữa bò tươi ước cả năm đạt 250 nghìn tấn. Tình hình dịch tả lợn Châu Phi tuy diễn biến phức tạp, nhưng ngành nông nghiệp đã phối hợp với chính quyền các địa phương chỉ đạo quyết liệt bao vây, khống chế kịp thời, hạn chế dịch lây lan ra diện rộng. Tổng diện tích rừng trồng mới tập trung 10 tháng năm 2019 đạt 15.172 ha, ước cả năm đạt 18.500 ha; tổng sản lượng gỗ khai thác 10 tháng đạt 919.056 m^3, ước cả năm đạt 1.200.000 tấn, tăng 24,82% so với năm 2018. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thuỷ sản 10 tháng năm 2019 đạt 191.091 tấn, tăng 10,39%, ước cả năm đạt 220.000 tấn, tăng 8,7%; trong đó, sản lượng khai thác đạt 165.000 tấn, tăng 10,47%, sản lượng nuôi trồng đạt 55.000 tấn, tăng 3,84% so với năm 2018.

Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tiếp tục được các địa phương chỉ đạo quyết liệt, đạt được nhiều kết quả; trong đó tập trung chỉ đạo 39 xã đã đăng ký đạt chuẩn năm 2019 *(tính đến 31/10/2019, có 35 xã đạt 19/19 tiêu chí; trong đó, có 15 xã đã được quyết định công nhận đạt chuẩn NTM, riêng miền Tây Nghệ An có 65 xã (trong đó, có 05 xã[7] thuộc huyện nghèo 30a và xã biên giới); ước cả năm 2019 sẽ có 40 xã đạt chuẩn NTM; huyện Yên Thành đã hoàn thành đạt chuẩn NTM 38/38 xã, tỉnh đã tổ chức thẩm tra, huyện đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định huyện đạt chuẩn NTM trong năm 2019)*. Dự kiến lũy kế đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 258/431 xã đạt chuẩn NTM[8] (được UBND tỉnh công nhận), chiếm 59,9%; Số tiêu chí bình quân các xã đạt 16,1 tiêu chí/xã, tăng 0,73 tiêu chí/xã so với năm 2018; có 04 đơn vị cấp huyện (TX Thái Hòa, TP Vinh, huyện Nam Đàn, Yên Thành) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng, đạt chuẩn NTM.

3.2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp bình quân 10 tháng năm 2019 tăng 8,32% so với cùng kỳ, trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 1,31%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,79%; Cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 4,81% so với cùng kỳ năm 2018. Một số dự án khánh thành đưa vào hoạt động như: Cảng kho xăng dầu DKC (1.400 tỷ đồng), Nhà máy chế biến nước tinh khiết, nước hoa quả và thảo dược Núi Tiên (1.177 tỷ đồng), Nhà máy điện tử Em-Tech (11,82 triệu USD), Nhà máy sản xuất viên nén sinh khối Biomass Fuel Việt Nam (28,3 triệu USD),...

đạt 917.668 con, giảm 9,84% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng đàn gia cầm ước đạt 24.969 nghìn con, tăng 5,61% so với cùng kỳ; trong đó tổng đàn gà ước đạt 20.501 nghìn con, tăng 6,86%.

[5] Toàn tỉnh hiện có trên 460 trang trại, gia trại chăn nuôi. Đặc biệt, các trang trại lớn chăn nuôi bò sữa theo hướng công nghiệp của Công ty CP Thực phẩm Sữa TH, Vinamilk, Công ty Kiều Phương, Kết Phát Thịnh (Nghi Lâm)... tiếp tục được đầu tư mở rộng, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

[6] Tính đến tháng 11/2019 ước đạt trên 33.000 ha; trong đó, chủ yếu tập trung tại vùng Phủ Quỳ của Công ty CP Thực phẩm Sữa TH và Vinamilk, một số trang trại lớn ở Nghi Lộc Tân Kỳ...

[7] Xã thuộc huyện 30a đạt chuẩn NTM (4 xã): Thạch Giám, Tam Thái, Tam Quang, Tam Đình thuộc huyện Tương Dương (trong đó xã Tam Quang là xã biên giới). Xã biên giới đạt chuẩn NTM (02 xã): Xã Tam Quang (Tương Dương), xã Hạnh Lâm (Thanh Chương).

[8] Đến thời điểm 31/10/2019, toàn tỉnh có 225 xã/431 xã có quyết định được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm 2019 có mức tăng khá so với cùng kỳ như: xi măng (10 tháng: 5.876 ngàn tấn, tăng 43,56%; cả năm ước: 6.800 ngàn tấn, tăng 51%), sữa chế biến (10 tháng: 196.026 ngàn lít, tăng 15,46%; cả năm ước 236.000 triệu lít, tăng 14,56%), thức ăn gia súc (10 tháng: 112.448 tấn, tăng 35.19%; cả năm ước 150.000 tấn, tăng 45%), phân bón NPK (10 tháng: 49,7 ngàn tấn, tăng 33,38%; cả năm ước 75 ngàn tấn, tăng 15%),...

Hạ tầng kỹ thuật trong Khu Kinh tế, các Khu công nghiệp được tập trung đầu tư, nhất là Khu công nghiệp VSIP, Hemaraj,... để thu hút các nhà đầu tư. Đến nay, Khu Kinh tế Đông Nam, các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã thu hút 225 dự án[9] (còn hiệu lực); hiện đã có 123 dự án đi vào hoạt động, góp phần tăng nguồn thu ngân sách, giải quyết việc làm và thực hiện an sinh xã hội. Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp[10] để thu hút đầu tư; các cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 250 doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngành điện tập trung đảm bảo nguồn điện phục vụ sản xuất kinh doanh; hệ thống phân phối, truyền tải điện[11] được tập trung đầu tư; năm 2019 có thêm 02 dự án thủy điện[12] phát điện với tổng công suất 37,4MW, nâng nâng công suất phát điện lên 892,9 MW; theo dõi, kiểm tra công tác điều tiết nước các hồ chứa thủy điện và công tác xây dựng, triển khai phương án bảo vệ đập hồ chứa thủy điện trong mùa mưa bão.

3.3. Đầu tư phát triển

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như: Dự án đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 1), các dự án tại Cảng Hàng không Quốc tế Vinh (ống lồng, sân đỗ, nhà ga T2...), Cảng Cửa Lò (bến 6, 7, 8,...), cầu Cửa Hội qua sông Lam, dự án Hồ chứa nước Bản Mồng, Nhà máy sản xuất gạch Trung Đô,... Tập trung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng các dự án, nhất là dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn qua tỉnh Nghệ An. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước cả năm đạt 76.000 tỷ đồng, tăng 8,57% so với năm 2018.

---

[9] Trong đó: 40 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 752,43 triệu USD và 185 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký đầu tư 36.317,2 tỷ đồng.

[10] Đến thời điểm này, đã có 39 cụm công nghiệp (CCN) triển khai thực hiện các bước quy hoạch, trong đó có 22 CCN đã có doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh, trong đó một số CCN mặc dù chưa phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng nhưng đã có doanh nghiệp đăng ký đầu tư sản xuất kinh doanh (có 08 CCN hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản; Có 04 CCN đã hoàn thành khoảng 70-80% các hạng mục đầu tư; 08 CCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung) và 17 CCN đã phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng hoặc phê duyệt quy hoạch chi tiết nhưng chưa có dự án đầu tư.

[11] Đến nay, có 21/21 huyện, thành thị và 480/480 xã có điện lưới quốc gia (trong đó có 16 xã lưới điện mới đến trung tâm xã).

[12] Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh có:

- 18 dự án đã phát điện với tổng công suất 892,9MW: Bản Vẽ, Bản Cốc, Sao Va, Nậm Cắn, Nậm Mô, Khe Bố, Hủa Na, Nậm Pông, Bản Cánh, Nậm Nơn, Bản Ang, Châu Thắng, Chi Khê, Ca nan 1, Ca Nan 2, Nhạn Hạc (A+B), Đồng Văn, Ca Lôi, Ca nan 1;
- 01 dự án với công suất 14 MW đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng, đang thực hiện các thủ tục để phát điện: Xoóng Con;
- 09 dự án với công suất 382,5 MW đang thi công xây dựng; Sông Quang, Châu Thôn, Khe Thơi, Suối Choang, Nậm Giải, Bản Mồng, Tiền Phong, Nậm Mô 1, Mỹ Lý.

Tổ chức triển khai kế hoạch vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và bố trí vốn công trình chuyển tiếp, kiểm soát phát sinh nợ, trong đó dự kiến thanh toán nợ trong kế hoạch đầu tư tập trung đến năm 2020 phần ngân sách tỉnh thanh toán đạt 90,97%; hàng quý, tổ chức giao ban xây dựng cơ bản để đôn đốc, tháo gỡ, khó khăn cho các dự án. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng năm 2019 đạt 70,5% kế hoạch giao, cao hơn tỷ lệ bình quân cả nước[13].

Công tác quản lý đầu tư xây dựng được đổi mới và tăng cường theo quy định của pháp luật, đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chất lượng các công trình xây dựng được kiểm soát chặt chẽ hơn, đặc biệt là công trình nhà cao tầng và công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt công tác quản lý giá xây dựng[14], tạo công cụ hữu hiệu cho việc lập và điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán, giá gói thầu và điều chỉnh hợp đồng xây dựng... Các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo công tác quyết toán dự án hoàn thành[15].

3.4. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

- Thương mại: Hoạt động thương mại và thị trường sôi động, hàng hóa đa dạng, phong phú. Hạ tầng thương mại ngày càng phát triển[16] và hoàn thiện, góp phần làm thay đổi diện mạo, dịch vụ thương mại ở đô thị, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa 10 tháng đạt 52.406,35 tỷ đồng, tăng 13,85%; ước cả năm đạt 63.400 tỷ đồng, tăng 18,06% cùng kỳ. Doanh thu dịch vụ 10 tháng đạt 12.926,92 tỷ đồng, tăng 12,92%; ước cả năm đạt 16.350 tỷ đồng, tăng 13,75% cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đạt 933 triệu USD, tăng 6,87%; ước cả năm đạt 1.100 triệu USD, tăng 4,8%; trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 10 tháng đạt 657 triệu USD, ước cả năm đạt 795 triệu USD, tăng 6% cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu 10 tháng đạt 676 triệu USD, tăng 52,25% cùng kỳ năm 2018.

- Du lịch: Hoạt động du lịch có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là thời tiết thuận lợi và trong năm có nhiều dịp nghỉ lễ dài ngày nhu cầu đi du lịch theo các tua xuyên Việt, cũng như các điểm du lịch trong tỉnh ngày càng phổ biến,... Tính đến 31/10/2019, toàn tỉnh đón và phục vụ trên 06 triệu lượt khách du lịch; trong đó, có 4,23 triệu lượt khách lưu trú, tăng 9%; khách quốc tế đạt 128.980 lượt. Ước cả năm, toàn tỉnh đón và phục vụ khoảng 6,5 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 4,7 triệu lượt khách lưu trú, tăng 9,5 %; khách quốc tế ước đạt 145.000 lượt, tăng

---

[13] Bình quân chung cả nước giải ngân 10 tháng năm 2019 đạt 49,83% so với kế hoạch Quốc hội giao và đạt 54,69% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

[14] Sở Xây dựng ban hành theo ủy quyền của UBND tỉnh và theo thẩm quyền được phân cấp 08 văn bản: 04 văn bản Liên sở Xây dựng – Tài chính về công bố giá vật liệu xây dựng và 04 Quyết định về công bố Chỉ số giá xây dựng công trình quý IV/2018 và quý I+II+III năm 2019.

[15] Tính đến hết ngày 31/10/2019, Sở Tài chính đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán 280 công trình, dự án, hạng mục hoàn thành với tổng mức đầu tư 3.564,2 tỷ đồng, chênh lệch giảm sau thẩm tra 28,8 tỷ đồng.

[16] Trên địa bàn tỉnh hiện có hơn 720 cửa hàng xăng dầu và gần 900 cửa hàng bán lẻ LPG; có 405 chợ đang hoạt động (01 chợ đầu mối nông sản; 07 chợ hạng I; 18 chợ hạng II và 244 chợ hạng III); 75 siêu thị, gồm 37 siêu thị chuyên doanh và 38 siêu thị tổng hợp; 13 trung tâm thương mại.

12,6%; tổng thu du lịch ước đạt 8.800 tỷ đồng, trong đó doanh thu các dịch vụ du lịch ước đạt 4.580 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2018.

- Vận tải: Các loại hình vận tải (đường bộ[17], đường hàng không[18], đường sắt, đường thủy[19] nội địa) được duy trì và phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, đi lại của nhân dân. Khối lượng luân chuyển hàng hóa 10 tháng đạt 2.857,83 triệu hành khách.km, tăng 12,25%; ước cả năm đạt 3.237 triệu tấn.km, tăng 6,52% cùng kỳ. Khối lượng hành khách luân chuyển 10 tháng đạt 6.862,25 triệu tấn.km, tăng 14,87%; ước cả năm đạt 7.457 triệu hành khách.km, tăng 6,8% cùng kỳ. Doanh thu vận tải 10 tháng đạt 8.576,31 tỷ đồng, tăng 14,98% cùng kỳ năm 2018.

- Lĩnh vực thông tin, truyền thông tiếp tục phát triển; mạng lưới bưu chính[20] công cộng tiếp tục được mở rộng; hạ tầng kỹ thuật viễn thông được đầu tư phát triển[21] theo quy hoạch, phủ sóng đến tận vùng sâu, vùng xa. Tổng doanh thu ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin 10 tháng đạt 3.530 tỷ đồng, ước cả năm đạt 4.253 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2018. Luỹ kế đến tháng 10/2019, mật độ thuê bao điện thoại ước đạt 83 thuê bao/100 dân, mật độ thuê bao băng thông rộng hữu tuyến (internet, truyền hình) đạt 10 thuê bao/100 dân. Đài phát thanh truyền hình, các cơ quan thông tấn, báo chí có nhiều cố gắng, thông tin kịp thời các các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nội dung thông tin phong phú, có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu nhân dân, tạo sự tin tưởng, đồng thuận trong phát triển kinh tế - xã hội...

- Tài chính ngân hàng: Mạng lưới[22] ngành ngân hàng trên địa bàn tỉnh phát triển tốt; thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, góp phần đẩy lùi tín dụng đen trên địa bàn. Đến 31/10/2019, nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 136.046,8 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 15.416 tỷ đồng, bằng 12,8%; ước đến 31/12/2019, nguồn vốn huy động đạt 138.446 tỷ đồng, tăng

---

[17] Hiện đang khai thác 233 tuyến vận tải khách cố định (gồm 184 tuyến ngoại tỉnh, 42 tuyến nội tỉnh, 07 tuyến liên vận Việt- Lào); 16 tuyến xe buýt.

[18] Hiện đang tiếp tục khai thác 7 đường bay nội địa; đã khai thác thêm các tuyến bay nội địa mới (Vinh-Cần Thơ, mở lại các tuyến bay Vinh-Đà Nẵng, Vinh-Cam Ranh). Trong 9 tháng, lượng hành khách thông qua cảng đạt 1.038 ngàn lượt, 8,8% cùng kỳ.

[19] Đã cơ bản hoàn thành, đưa vào khai thác bến số 5 Cảng Cửa Lò, cảng xăng dầu DKC; đang đầu tư xây dựng bến số 6 cảng Cửa Lò; hoàn tất các thủ tục để chuẩn bị đầu tư bến số 7, số 8 cảng Cửa Lò. Trong 9 tháng, lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 4,717 triệu tấn, tăng 32,3% cùng kỳ.

[20] Toàn tỉnh hiện có 610 điểm phục vụ bưu chính, riêng Bưu điện tỉnh có 581 điểm phục vụ, Bưu chính Viettel có 25 điểm phục vụ. Số xã có điểm phục vụ tiếp tục duy trì tỷ lệ 100%. Số lượng lao động hoạt động trong lĩnh vực bưu chính là 851 người.

[21] Đến nay, có 6 doanh nghiệp viễn thông và 2 doanh nghiệp truyền hình cáp hoạt động trên địa bàn tỉnh. 100% xã đều đã có trạm BTS 3G, bán kính bình quân trạm BTS là 1,56 km/cột; 97% số xã có sóng 3G; 90% số xã có sóng 4G (Viettel). Trên địa bàn hiện có 2.638 vị trí với tổng số 4944 trạm BTS các loại (2G, 3G, 4G) bao phủ khoảng 98% diện tích toàn tỉnh, phủ sóng đến tận vùng sâu, vùng xa. 100% số xã đã có cáp quang.

[22] Đến 31/10/2019, tổng số đầu mối TCTD, chi nhánh TCTD toàn địa bàn là 104 TCTD, chi nhánh cấp 1 của TCTD (trong đó có 01 Hội sở chính NHTM, 15 Chi nhánh ngân hàng thương mại nhà nước, 21 Chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần, 59 QTDND, 05 chi nhánh TCTC vi mô, 01 Chi nhánh NH Hợp tác xã, 01 Chi nhánh NH Chính sách xã hội, 01 Chi nhánh NH Phát triển), 19 Chi nhánh hoạt động hạn chế phụ thuộc Chi nhánh cấp 1 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các huyện, thị; 43 PGD của QTDND, 218 PGD của NH, 269 ATM.

14,8% so với đầu năm. Đến 31/10/2019, tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 204.390 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 11.845 tỷ đồng, bằng 6,2%; trong đó, dư nợ trung và dài hạn chiếm 49,6% tổng dư nợ; ước đến 31/12/2019, tổng dư nợ đạt 208.890 tỷ đồng, tăng 8,5% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ xấu tính đến 31/10/2019 khoảng 1.958 tỷ đồng, chiếm 0,96% trong tổng dư nợ.

3.5. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư; phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong thời gian qua đã mang lại những kết quả tích cực: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ 19, tăng 2 bậc so với năm ngoái; tiếp tục đứng đầu trong 6 tỉnh Bắc Trung Bộ. Công tác xúc tiến đầu tư được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, với sự vào cuộc mạnh mẽ của các ngành, các cấp; chú trọng xúc tiến các nhà đầu tư chiến lược. Tổ chức thành công Hội nghị Gặp mặt các nhà đầu tư Xuân Kỷ Hợi 2019, Hội nghị "Gặp gỡ Nhật Bản - Khu vực Bắc Trung Bộ", phối hợp Tập đoàn VSIP tổ chức xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc; tổ chức xúc tiến đầu tư tại TP Hồ Chí Minh, xúc tiến đầu tư vào TP Vinh; Hội nghị Hợp tác phát triển với các địa phương như TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội, tỉnh Hà Tĩnh;...

Trong 10 tháng năm 2019, trên địa bàn toàn tỉnh đã cấp mới[23] cho 89 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký 10.134,43 tỷ đồng, tăng gấp 1,15 lần tổng số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018; điều chỉnh 09 lượt dự án với tổng vốn đầu tư điều chỉnh tăng 679,29 tỷ đồng. UBND tỉnh đã phân công theo dõi triển khai các dự án, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ các nhà đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được cấp phép, các dự án đã ký kết, nhất là các dự án, công trình trọng điểm. Tiếp tục kiểm tra, xử lý các dự án chậm tiến độ, không triển khai; qua kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện các dự án, trong năm 2019 UBND tỉnh đã chấm dứt hoạt động, thu hồi 16 dự án, đưa tổng số dự án bị thu hồi đến nay là 165 dự án.

Công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp được tăng cường chỉ đạo. Tổ chức khai trương Cổng dịch vụ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Nghệ An nhằm cung cấp các dịch vụ online đến công dân, doanh nghiệp. Định kỳ 2 tháng/lần, UBND tỉnh tổ chức giao ban với các Hiệp hội, hội doanh nghiệp, doanh

---

[23] - *Phân loại theo địa bàn:*
+ Đầu tư ngoài KKT và các KCN: Cấp mới cho 67 Dự án/2.801,52 tỷ đồng (chiếm 75,28% về số lượng dự án và 27,64% về tổng mức đầu tư); Điều chỉnh 09 lượt dự án/vốn điều chỉnh tăng 679,29 tỷ đồng.
+ Đầu tư trong KKT và các KCN: Cấp mới cho 22 Dự án/ 7.332,91 tỷ đồng (chiếm 24,72% về số lượng dự án và 72,36% về tổng mức đầu tư).
- *Phân loại theo hình thức đầu tư:*
+ Đầu tư trong nước: Cấp mới cho 79 Dự án/3.311,48 tỷ đồng (Chiếm 88,76% về số lượng dự án và 32,68% về tổng mức đầu tư); Điều chỉnh 09 lượt dự án/vốn điều chỉnh tăng 679,2 tỷ đồng.
+ Đầu tư FDI: Cấp mới cho 10 Dự án/ 296,65 triệu USD (chiếm 11,24% về số lượng dự án và 67,32% về tổng mức đầu tư).
- *Phân theo lĩnh vực đầu tư:*
+ Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng: chiếm 37,08% về số lượng dự án và 81,86% về tổng vốn đầu tư.
+ Lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp: chiếm 8,99% về số lượng dự án và 2,52% về tổng vốn đầu tư.
+ Lĩnh vực dịch vụ (thương mại và du lịch): chiếm 47,19 % về số lượng dự án và 13,63% về tổng vốn đầu tư.
+ Lĩnh vực xã hội hóa: chiếm 6,74% về số lượng dự án và 1,99% về tổng vốn đầu tư.

nhân để lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp, nhằm chia sẻ, tháo gỡ khó khăn của các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Trong 10 tháng năm 2019, đã thành lập mới 1.505 doanh nghiệp[24], bằng 93,6%; tổng số vốn các doanh nghiệp đăng ký là 13.776,9 tỷ đồng, tăng 32% cùng kỳ. Có 517 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 99,73%, cao nhất cả nước.

Về kinh tế tập thể, hợp tác xã: Kinh tế tập năm 2019 tiếp tục có bước phát triển khá; đến tháng 10/2019, toàn tỉnh có 759 HTX, 02 Liên hiệp HTX; ước cả năm có 771 HTX, 02 Liên hiệp HTX. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX đạt khoảng 3-3,5 triệu đồng/tháng. Phần lớn HTX nông nghiệp tham gia cung cấp được các dịch vụ đầu vào cơ bản cho sản xuất nông nghiệp; một số HTX liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp theo hợp đồng; một số HTX kiểu mới tham gia cánh đồng lớn, sản xuất theo chuỗi, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, đây là nhân tố quyết định tới tính bền vững, hiệu quả của các mô hình liên kết, hợp tác trong sản xuất của người dân.

3.6. Quy hoạch; quản lý đô thị; tài nguyên môi trường

a) Quy hoạch; quản lý xây dựng, đô thị

- UBND tỉnh đã chỉ đạo chấn chỉnh công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, kiểm tra giám sát việc xây dựng theo quy hoạch được duyệt, đặc biệt là đối với các dự án phát triển nhà ở, chung cư cao tầng. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng hai bên tuyến đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò để thực hiện. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số quy hoạch của tỉnh như: Quy hoạch chi tiết hai bên đường N5; Quy hoạch phía Đông đường Bình Minh, TX Cửa Lò; Quy hoạch tổng thể Di tích Quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Kim Liên, huyện Nam Đàn,... Triển khai lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của Luật Quy hoạch.

- Nhiệm vụ phát triển đô thị, chính sách nhà ở, quy hoạch xây dựng, quản lý chất lượng công trình, hoạt động xây dựng được tập trung chỉ đạo. Các đô thị trên địa bàn đã thực hiện tốt công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật; tập trung chỉ đạo, đôn đốc thực hiện giải toả hành lang an toàn giao thông, vỉa hè đô thị gắn với việc chỉnh trang đô thị và công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, tổ chức ra quân hàng tuần, xử lý dứt điểm tình trạng vi phạm như: bày bán hàng hoá, biển quảng cáo di động, xử lý nghiêm các điểm rửa xe không có giải pháp thanh thải, phế thải do rửa xe gây ra... Thực hiện tổ chức giao thông, kẻ vẽ trên lòng đường, vỉa hè cho phép đỗ xe, xử lý các "điểm đen" về an toàn giao thông. Kiểm tra, chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường, thu gom vận chuyển rác thải.

b) Tài nguyên và môi trường

[24] Lũy kế tính đến 31/10/2019, toàn tỉnh có tổng số 21.214 doanh nghiệp đăng ký; trong đó có 12.317 doanh nghiệp đang hoạt động.

- Hoàn thành công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cho 21 đơn vị cấp huyện. Thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật về thẩm định nhu cầu, điều kiện, việc giao thuê đất, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh; xác định giá đất, thẩm định, cấp phép đối với các lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường... Chỉ đạo UBND cấp huyện có đất đã thu hồi từ quỹ đất các công ty nông, lâm nghiệp khẩn trương giao đất cho các hộ gia đình để nhân dân có đất sản xuất.

- Triển khai thực hiện Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh[25]. Tập trung đẩy mạnh[26] công tác đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân. Kiểm tra, đôn đốc công tác đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện điểm Đô Lương và công tác lập đo đạc ranh giới, cắm mốc ranh giới, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 11 công ty nông, lâm nghiệp. Tính đến 31/10/2019, UBND tỉnh ban hành các Quyết định thu hồi đất để giao cho UBND các huyện, thị xã quản lý, sử dụng của 11 công ty nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích đất[27] 11.421,03 ha.

- Tổ chức đấu giá thành công quyền khai thác khoáng sản 09 khu vực mỏ (02 điểm thiếc, 03 điểm mỏ sét, 04 điểm cát, sỏi xây dựng); tập trung rà soát các khu vực mỏ trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch đấu giá khoáng sản đối với các khu vực mỏ đủ điều kiện. Xây dựng Báo cáo biện pháp hạn chế cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, trong đó nêu cụ thể một số loại khoáng sản, một số khu vực. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết và kinh doanh cát, sỏi trên địa bàn tỉnh; rà soát lại các khu vực đóng cửa mỏ[28]. Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành thiết kế 25 mỏ đá xây

---

[25] Bao gồm các đơn vị: TP Vinh, Cửa Lò, Thái Hòa, Hoàng Mai, Nghĩa Đàn, Nam Đàn, Yên Thành, Hưng Nguyên, Diễn Châu, Nghi Lộc, Thanh Chương, Quỳnh Lưu và huyện Đô Lương. Đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thẩm thiết kế kỹ thuật dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của 06 đơn vị huyện (Nghi Lộc, Yên Thành, Nghĩa Đàn, TP Vinh, Cửa Lò, Thái Hòa, Nam Đàn) để trình UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện theo quy định; các đơn vị còn lại đang tiến hành xây dựng thiết kế kỹ thuật dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

[26] Sở Tài nguyên và Môi trường cử cán bộ chuyên môn thường xuyên xuống địa bàn cấp huyện, cấp xã (Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Quỳ Hợp, Yên Thành, Thanh Chương, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn và thị xã Hoàng Mai) làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký QSD đất, UBND cấp xã, đơn vị tư vấn để kiểm tra, đôn đốc và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Lập kế hoạch đo vẽ lại bản đồ địa chính khu vực đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa tại các xã thuộc 05 huyện: Nghi Lộc, Nghĩa Đàn, Thái Hòa, Yên Thành, Hưng Nguyên, Thanh Chương và đo vẽ lại bản đồ địa chính thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông. Tham mưu UBND tỉnh thay thế các đơn vị tư vấn có tiến độ thực hiện lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận chậm, gồm 28 xã thuộc 10 huyện và đã tổ chức triển khai thực hiện.Tổ chức kiểm tra, phúc tra công tác đo đạc lập bản đồ địa chính và đo vẽ lại đất nông nghiệp cho 11 xã, thuộc địa bàn 05 huyện, thị: Diễn Châu, Nam Đàn, Đô Lương, Hưng Nguyên và thị xã Hoàng Mai. Kết quả cấp Giấy chứng nhận tại 21 xã thuộc 08 huyện: Thanh Chương, Anh Sơn, Tân Kỳ, Quỳ Hợp, Diễn Châu, Yên Thành, Tương Dương và Quỳ Châu.

[27] Gồm Công ty lâm nghiệp Tương Dương 132,56 ha; Công ty lâm nghiệp Con Cuông 209,81 ha; Công ty lâm nghiệp Đô Lương 1.387,58 ha; Công ty nông nghiệp 3/2 121,17 ha; Công ty TNHH MTV nông nghiệp 1/5 Nghệ An 215,14 ha; Công ty TNHH MTV nông nghiệp An Ngãi 224,19 ha; Công ty TNHH MTV nông nghiệp Xuân Thành 275,83 ha; Công ty TNHH MTV cà phê – cao su Nghệ An 268,97 ha; Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chè Nghệ An 3.892,75 ha; Công ty TNHH MTV nông nghiệp Sông Hiếu 4.002,95 ha và Công ty TNHH MTV nông nghiệp Sông Con 690,09 ha.

[28] UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định đóng cửa mỏ đối với 12 khu vực mỏ; Sở TNMT đôn đốc, yêu cầu các Công ty TNHH Thanh Xuân và Công ty TNHH Xuân Hùng hoàn thành công tác đóng cửa mỏ theo quy định tại Khu vực

dựng tại các huyện có nguy cơ mất an toàn lao động; theo dõi và đôn đốc chỉ đạo khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn các huyện: Nam Đàn, Hưng Nguyên, Anh Sơn, Yên Thành, Nghi Lộc,... Chỉ đạo tìm kiếm, đánh giá, rà soát bổ sung nguyên liệu đất san lấp phục vụ dự án đường cao tốc Bắc - Nam, giải quyết nguyên liệu cho các dự án trọng điểm (Xi măng Sông Lam, xi măng Nghi Sơn, VSIP, Hemaraj, FLC).

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường triệt để tại 09 cơ sở và cấp giấy chứng nhận hoàn thành cho 04 cơ sở; kiểm tra và xác nhận hệ thống quan trắc tự động và niêm phong tự động tại Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Bắc Vinh và Xi măng Hoàng Mai; kiểm tra việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước tự động và truyền dẫn dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường[29]. Thực hiện các đợt quan trắc mạng định kỳ đối với môi trường nước mặt, không khí xung quanh, nước biển ven bờ. Thường xuyên nắm bắt thông tin và giám sát các cơ sở xả thải ra môi trường ven biển, sông suối.

4. Về lĩnh vực văn hoá - xã hội

4.1. Giáo dục đào tạo

- Chăm lo các điều kiện đảm bảo phát triển giáo dục bền vững, thực hiện đổi mới giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW; khẩn trương chuẩn bị các nhiệm vụ thực hiện Chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021: Đã tiến hành sáp nhập trường lớp giảm được 16 trường công lập và giảm 32 điểm lẻ. Xây dựng đội ngũ đảm bảo số lượng, chất lượng; từng bước giải quyết tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên ở THCS, Tiểu học và Mầm non; đến nay, đã cơ bản cân đối đáp ứng yêu cầu của các cơ sở giáo dục. Tập trung triển khai công tác tập huấn các chuyên đề về chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giáo dục, dạy học; tăng cường công tác bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, giáo viên năm học 2019-2020.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ năm học mới: Trong dịp hè 2019, các địa phương đã quan tâm đầu tư bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình đảm bảo phục vụ năm học mới chủ yếu từ nguồn lực địa phương và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng các tiêu chí để kiểm tra công nhận lại và nâng chuẩn các trường. Năm 2019 đã công nhận mới thêm 35 trường, công nhận lại 11 trường, kiểm tra công nhận nâng chuẩn 7 trường; lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 1.104 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 72,68% tổng số trường.

- Duy trì vị trí tốp đầu về chất lượng giáo dục cả giáo dục mũi nhọn và giáo dục đại trà[30]. Triển khai tốt công tác chuẩn bị các kỳ thi năm 2019; đã tổ chức

---

Lèn Chùa; phối hợp với UBND huyện Quỳ Hợp và UBND các xã rà soát 41 khu vực đã được ban hành Quyết định đóng cửa mỏ.

[29] Tại nhà máy xử lý nước thải Hưng Hòa và VSIP, Xi măng Sông Lam (Đô Lương), xi măng Sông Lam 2.

[30] Em Trần Thế Trung xuất sắc giành giải Nhất (Vòng Nguyệt quế) chung kết năm Đường lên đỉnh Olimpia lần thứ 19; Có 90/102 học sinh dự thi đạt giải HSG quốc gia, xếp thứ 2 toàn quốc; có 4 học sinh được tham gia các kỳ thi HSG quốc tế và khu vực, trong đó 01 em đạt Huy chương Bạc Olympic Tin học Châu Á và 01 em đạt Huy chương

thành công, an toàn, đúng quy chế các kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh, Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, tuyển sinh vào lớp 10 THPT và kỳ thi THPT Quốc gia năm 2019 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Lĩnh vực Y tế

- Ngành y tế đã chủ động và tích cực phòng chống dịch bệnh, khống chế có hiệu quả các bệnh truyền nhiễm gây dịch nguy hiểm, phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh đầu tiên, chủ động xử lý nên ổ dịch nhanh chóng được dập tắt. Công tác thông tin truyền thông, thanh tra, kiểm tra[31] vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm chỉ đạo.

- Tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển, hoàn thiện các kỹ thuật cao trong khám và điều trị cho nhân dân. Tiếp tục triển khai thực hiện phương án tự chủ tại 16 Bệnh viện[32] đạt kết quả tốt. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời thuốc có chất lượng với giá cả hợp lý phục vụ cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh và phòng chống thiên tai, dịch bệnh tại địa phương. Khảo sát, đánh giá thực trạng về quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế tại các đơn vị trên toàn tỉnh.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra[33] việc thực hiện các quy định của pháp luật về hành nghề y, dược tư nhân; khám chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh dược, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.

- Chủ động xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Chiến dịch truyền thông, vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh, cấp huyện và cơ sở đã tập trung triển khai đạt nhiều kết quả tốt.

4.3. Lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phát triển nhanh đối tượng tham gia BHXH, BHYT. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật với nhiều hình thức và nội dung, linh hoạt trong cách thức tổ chức, đa dạng trong phương thức tiếp cận để đơn vị sử dụng lao động, người lao động và nhân dân thấy rõ vai trò, ý nghĩa của chính sách BHXH, BHYT trong hệ thống an sinh xã hội, cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của người dân trong việc tham gia BHXH,

---

Đồng Olympic Vật lý Châu Âu; Tham gia và giành kết quả cao các cuộc thi phát triển năng lực, kỹ năng mềm: kỳ thi Toán học Hà Nội mở rộng giải Toán bằng tiếng Anh, có 4 Huy chương Vàng, 2 Huy chương Bạc; THCS có 5 Huy chương Bạc, 1 Huy chương Đồng; thi đồng đội, cả 2 đội THPT và THCS đều đạt Huy chương Đồng; Cuộc thi "An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai", đoàn Nghệ An đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì, 04 giải ba và 64 giải khuyến khích; Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia học sinh trung học năm học 2018- 2019, Có 01 giải nhất, 01 giải nhì, 04 giải tư, xếp thứ 6/34 đơn vị Khu vực phía Bắc; Chất lượng giáo dục đại trà có bước tiến bộ, được phản ánh qua kỳ thi THPT quốc gia năm 2019, Nghệ An tiến thêm được 6 thứ bậc so với năm 2018.

[31] Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra 150 cơ sở, trong đó có 29 cơ sở vi phạm bị xử lý với tổng số tiền phạt là 337.375.000 đồng và 02 cơ sở giải thể không tiến hành xử lý được. (Cùng kỳ: số cơ sở được thanh tra, kiểm tra 178 cơ sở, trong đó số cơ sở đạt: 132 cơ sở (chiếm74,2%); số cơ sở không đạt 46 cơ sở (chiếm 25,8%); Số cơ sở bị xử lý vi phạm hành chính 43 cơ sở với tổng số tiền 93.850.000đ và 03 cơ sở hình thức cảnh cáo).

[32] 08 Bệnh viện tuyến tỉnh (BVHNĐK; Sản nhi; Ung bướu; Phục hồi chức năng; Nội tiết; Lao và Bệnh phổi; Chấn thương Chỉnh hình, Mắt); 02 Bệnh viện ĐK khu vực (BVĐKKV Tây Bắc và Tây Nam); 06 Bệnh viện tuyến huyện (BVĐK: TP Vinh, Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành, Thanh Chương và Nghi Lộc).

[33] Thành lập 18 Đoàn thanh tra, kiểm tra tại 175 tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra, kiểm tra. Xử phạt 19 tổ chức, cá nhân có sai phạm. Số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 192.600.000 đồng.

BHYT: Ước thực hiện năm 2019, số đối tượng tham gia BHXH tự nguyện là 46.510, tăng 46 % so với năm 2018, vượt chỉ tiêu KTXH 59%, bằng số đối tượng tham gia BHXH tự nguyện tăng trong 9 năm trước liền kề.

- Giải quyết đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo quyền lợi cho người lao động và nhân dân; cơ bản hoàn thiện dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT để phục vụ việc kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư [34]. Thực hiện hiệu quả chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHYT; đôn đốc thu hồi nợ đọng BHXH, BHYT. Dự kiến năm 2019 số thu là 6.121.095 triệu đồng, đạt 101% kế hoạch BHXH Việt Nam giao, tăng 7,5% so với năm 2018; nợ BHXH giảm 15% so với năm 2018.

- Đảm bảo quyền lợi cho người bệnh có thẻ BHYT khi đi khám chữa bệnh, thực hiện giao kinh phí khám chữa bệnh BHYT cho các cơ sở khám chữa bệnh, ứng dụng hiệu quả CNTT, đã góp phần quan trọng trong việc kiểm soát chi phí khám chữa bệnh BHYT.

4.4. Các lĩnh vực văn hoá, thể thao

- Tổ chức tốt các hoạt động trang trí, tuyên truyền, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể thao phục vụ chính trị trên địa bàn tỉnh trong các dịp lễ, Tết, kỷ niệm của đất nước và của tỉnh. Đặc biệt, đã tổ chức trang trọng, ý nghĩa các sự kiện nhân kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh...

- Tiếp tục triển khai Quy hoạch hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Thực hiện tu bổ cấp thiết 08 di tích, thực hiện cắm mốc 12 di tích, phòng chống mối 12 di tích, lập hồ sơ khoanh vùng bảo vệ 7 di tích. Tổ chức thành công Hội thảo bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản. Chỉ đạo, hướng dẫn 23 di tích được công nhận di tích cấp tỉnh và cấp quốc thực hiện Lễ đón bằng đúng quy định. Lập hồ sơ xếp hạng 9 di tích.

- Di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy; trong đó, tập trung phối hợp với tỉnh Hà Tĩnh xây dựng dự thảo Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa Lễ Hội Đền Ông Hoàng Mười và Lễ hội Đền Bạch Mã vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Các đơn vị bảo tàng, các Khu di tích thực hiện tốt công tác sưu tầm, bảo quản, kiểm kê, tài liệu, hiện vật. Tổ chức tốt công tác phục vụ và đón tiếp khách tham quan, bảo vệ an toàn di tích, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy.

---

[34] Tổng số đối tượng tham gia BHXH tính đến hết tháng 10/2019 là 272.222 người, tăng 19.394 người so với năm 2018 (tỷ lệ tăng 7,7%), tăng 18.132 người so với chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2019 do HĐND tỉnh giao (vượt chỉ tiêu KTXH 7,1%). Dự kiến năm 2019 có 274.222 người tham gia BHXH, tăng 21.394 người so với năm 2018 (tỷ lệ tăng đạt 8,5%), tăng 20.132 người so với chỉ tiêu KTXH (vượt 7,9%).
Đối tượng tham gia BHYT tính đến hết tháng 10/2019 là 2.781.745 người, đạt tỷ lệ bao phủ trên tổng dân số là 88,11%. Ước cả năm 2019 có 2.799.870 người tham gia BHYT (chưa bao gồm người lao động làm việc trong lực lượng vũ trang, đi làm việc ngoại tỉnh), đạt 90,5% tỷ lệ bao phủ BHYT, vượt chỉ tiêu HĐND tỉnh giao, vượt chỉ tiêu Chính phủ giao tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg.
Giải quyết, chi trả các chế độ BHXH cho 104.628 lượt người, tăng 1.057 lượt người so với cùng kỳ năm 2018. Tổng chi BHXH, BHTN năm 2019 dự kiến là 8.860.909 triệu đồng, tăng 546.413 triệu đồng (tăng 6,57%) so với cùng kỳ năm 2018.

- Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số được tăng cường. Hoạt động văn hoá cơ sở và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" được quan tâm. Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện hương ước, quy ước tại các huyện, thành, thị. Triển khai có hiệu quả đề án tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; thực hiện thí điểm bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình tại huyện Qùy Hợp và TX Cửa Lò.

- Triển khai tốt cuộc vận động "Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" gắn với phong trào "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa". Nhiều cơ sở, điểm tập luyện đã thu hút đông đảo mọi người dân tham gia tập luyện thường xuyên. Đẩy mạnh phát động toàn dân tập luyện môn Bơi phòng chống đuối nước; tổ chức 07 giải thể thao quần chúng, 06 giải Trung ương ủy quyền. Tham gia 03 giải thể thao quần chúng toàn quốc đạt 13 huy chương (trong đó 07 HCV, 05 HCB, 01 HCĐ). Trong 10 tháng năm 2019, tham gia thi đấu 54 giải trong nước và quốc tế, đạt nhiều thành tích cao[35].

4.4. Giải quyết việc làm, giảm nghèo và các vấn đề an sinh xã hội

- Trong 10 tháng năm 2019 đã giải quyết việc làm cho 33.645 lao động, trong đó xuất khẩu lao động 11.059 người, đạt 81,83% kế hoạch; ước cả năm giải quyết việc làm khoảng 37-38 ngàn lao động. Tổ chức 45 phiên giao dịch việc làm cố định và lưu động với 575 doanh nghiệp và 11.945 người tham gia; 03 hội chợ việc làm - xuất khẩu lao động... Tại hội thi thiết bị đào tạo dạy nghề toàn quốc, Nghệ An đứng thứ 3/58 đoàn tham gia. Kiểm tra liên ngành việc chấp hành pháp luật an toàn lao động tại 35 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thực thi kịp thời chế độ chính sách người lao động gắn với làm tốt công tác an toàn vệ sinh lao động. Kết quả 10 tháng đã tuyển sinh đào tạo cho 59.925 lượt người, đạt 85,6% kế hoạch; ước cả năm đào tạo cho 70.000 lượt người, đạt kế hoạch đề ra, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63%, qua đào tạo nghề đạt 58,3%.

- Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, các chế độ hỗ trợ đối với hộ nghèo; thực hiện hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững năm 2019, đến cuối năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo ước đạt 4%, giảm 1,54% trong năm 2019. Tổ chức thẩm tra, phân loại 1.055 hộ nghèo đặc biệt khó khăn chưa được hưởng chế độ bảo trợ xã hội. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ xã nghèo vùng miền Tây; Chương trình " Tết vì người nghèo"... Quản lý chi trả trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 133.224 đối tượng bảo trợ xã hội.

- Phong trào Đền ơn đáp nghĩa được xã hội hóa sâu rộng, trong 10 tháng năm 2019, toàn tỉnh thu quỹ đền ơn đáp nghĩa 14,9 tỷ đồng; sửa chữa 81 nhà tình nghĩa, với tổng kinh phí 981 triệu đồng; tặng 55 sổ tiết kiệm với tổng số tiền 35 triệu đồng. Quản lý chi trả chế độ trợ cấp ưu đãi thường xuyên cho trên 72.868 đối

---

[35] Tổng số huy chương đạt được: 261 huy chương các loại(48 HCV, 66 HCB, 147 HCĐ); Đẳng cấp: 26 VĐV Kiện tướng; 03 VĐV DBKT; 62 VĐV Cấp I; Tập trung các đội tuyển quốc gia: 09 VĐV . Tiếp tục thực hiện mở lớp năng khiếu nghiệp dư cơ sở đạt 100% theo kế hoạch 30/30 lớp.
Đội 1 Câu lạc bộ Bóng đá Sông Lam Nghệ An thi đấu 22 trận được 30 điểm, tạm xếp thứ 6 tại giải chuyên nghiệp quốc gia năm 2019. Các đội trẻ thi đấu xuất sắc đạt nhiều thành tích cao: U11, U13, U15 đạt huy chương vàng; U12 đạt huy chương bạc; U19 đạt huy chương đồng.

tượng NCC, kinh phí hơn 126 tỷ đồng/tháng. Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng; công tác bảo trợ xã hội, trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng và cứu trợ đột xuất.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hỗ trợ người có công khó khăn về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 63/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ người có công khó khăn về nhà ở; số căn nhà đã hoàn thành xây dựng 21.732 hộ/24.325 căn (89,34%); số căn nhà đang xây dựng 921căn/24.325 (3,78%); số căn nhà còn lại chưa triển khai xây dựng 1.672 căn/24.325 (6,88%). Ngoài ra Quỹ Thiện Tâm, Tập đoàn Vingroup và ngân hàng BIDV đã hỗ trợ 615 hộ gia đình Người có công với cách mạng và hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại 21 huyện, thành, thị xây dựng nhà ở, với tổng số tiền gần 50,0 tỷ đồng.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ trẻ em; tuyên truyền về các chủ đề "Chung tay vì trẻ em nghèo, trẻ em vùng dân tộc thiểu số; phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục; phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em" . Triển khai xây dựng 5 mô hình điểm về trẻ em tại các huyện[36]. Công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tiếp tục được quan tâm thực hiện. Công tác phòng chống tệ nạn mại dâm, cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

4.5. Các hoạt động khoa học và công nghệ

- Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN) tập trung ưu tiên cho 6 lĩnh vực KH&CN trọng điểm[37] đã đạt một số kết quả khả quan[38]. Đã tập trung tác động KH&CN theo chuỗi giá trị các sản phẩm; giảm số lượng các đề tài, dự án, nâng cao chất lượng, tăng quy mô; sàng lọc và ưu tiên các dự án ứng dụng và có sản phẩm cụ thể[39]. Bảo tồn, khai thác và phát triển đa dạng sinh học, quỹ gen quý hiếm nhằm phát huy giá trị khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An, nhất là các loại dược liệu[40]. Triển khai thực hiện tốt chương trình 100 sản phẩm có tác động KH&CN, đến nay đã có hơn 70 sản phẩm là các cây con đặc sản, đặc thù, cây con chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, các sản phẩm truyền thống của Nghệ An được hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH&CN tạo ra các sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh trên thị trường[41].

---

[36] Gồm: Mô hình "Hỗ trợ can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em" tại huyện Quỳ Hợp; Mô hình "Bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em trong trường học" tại huyện Hưng Nguyên; Mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và dịch vụ xã hội cơ bản cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt" tại huyện Con Cuông, Tương Dương.

[37] Lĩnh vực nông nghiệp; Lĩnh vực y dược; Lĩnh vực KH&CN phục vụ phát triển KTXH các huyện, thành, thị; Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Lĩnh vực công nghệ thông tin; Lĩnh vực môi trường, Sở hữu trí tuệ.

[38] Đến nay có 57 đề tài, dự án được triển khai, trong đó tập trung tác động KH&CN theo chuỗi giá trị các sản phẩm; giảm số lượng các đề tài, dự án, nâng cao chất lượng, tăng quy mô; sàng lọc và ưu tiên các dự án ứng dụng và có sản phẩm cụ thể, đặc biệt là thông qua các doanh nghiệp để tổ chức triển khai các nhiệm vụ.

[39] Hiện một số sản phẩm đang đầu tư theo chuỗi giá trị như: chuỗi giá trị cho cây cam, gạo Japonica, cây Lạc; trà hoa vàng, trám đen...

[40] Như: cây Trà hoa vàng, cây Bombo, mướp đắng rừng, cà gai leo, giảo cổ lam, Sâm Puxailaileng, cây Mú Từn, đẳng sâm, Lan Kim tuyến, cây Bảy lá một hoa, Hà thủ ô đỏ....

[41] Trà hoa vàng, chè Nghệ An, trà cà gai leo, giảo cổ lam, dây thìa canh, trà gạo thảo dược, nước mắm vạn phần, nước mắm Cửa Hội, tôm nõn Diễn Châu, mực Quỳnh Lưu, cá thu nường Cửa Lò, lúa Japonica, gừng Kỳ Sơn, rượu

- Thông qua nguồn vốn của doanh nghiệp và quỹ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ đã tập trung ứng dụng các công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất[42] trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm hàng hoá có nhiều chuyển biến, hiệu quả rõ rệt; đặc biệt là vai trò cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Chất lượng hàng hóa sản xuất nội tỉnh đang từng bước được nâng lên, một số mặt hàng đã khẳng định được thương hiệu nên người tiêu dùng tin tưởng, sử dụng nhiều (vật liệu xây dựng, nông lâm thủy sản, bia, đường, sữa,...). Nhiều sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn quốc tế, bảo hộ về nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Truyền thông, tuyên truyền hướng dẫn các cá nhân tổ chức triển khai công tác sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp. Triển khai công tác đào tạo Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các cá nhân, tổ chức tại các Trường Đại học Vinh, Sư phạm kỹ thuật Vinh, Trường Cao đẳng Việt - Hàn và một số huyện, thành, thị nhằm hỗ trợ cho Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2019 và động viên thế hệ trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên say mê nghiên cứu khoa học, góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trong tương lai.

5. Công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính

- Đã báo cáo và được Bộ Chính trị kết luận tại Thông báo số 55-TB/TW sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 55-TB/TW. Tổ chức các đoàn kiểm tra thực hiện các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; phối hợp chuẩn bị các nội dung chuẩn bị xây dựng Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; tổ chức Hội nghị triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công năm 2020 và giai đoạn 5 năm 2021-2025. Tổ chức thành công Hội nghị Thường trực Tỉnh ủy gặp mặt cán bộ lãnh đạo cấp phòng và tương đương trong các cơ quan cấp tỉnh...

- UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm "Năm Cải cách hành chính" 2019 gắn với kiểm tra, đốc thúc việc thực hiện. Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An. Tập trung chỉ đạo tốt 7 đơn vị điểm cải cách hành chính (CCHC); chỉ đạo thanh tra thực hiện trình tự, thủ tục hành chính 10 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An tại các cơ quan, đơn vị. Rà soát, đơn giản hóa TTHC tại các đơn vị tiếp tục được quan tâm, thực hiện; các đơn vị, địa phương tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC...

Mú Từm, Sâm Puxailaileng, đẳng sâm, Lan Kim tuyến, cây Bảy lá một hoa, Hà thủ ô đỏ, bò H' Mông, lúa AC5, mật ong Tây Hiếu, mật ong Yên Thành, tảo xoán, rau hữu cơ....

[42] Công nghệ xử lý sinh học AO đối với dự án Hệ thống xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Đông Hồi; Công nghệ "Lọc Siphon hở OFS (Open Siphon Filter) kết hợp tấm lọc A/W block" đối với dự án xây dựng nhà máy nước huyện Nghĩa Đàn; Công nghệ xử lý và tái chế chất thải rắn Ecovi của Công ty CP Galax tại Nghệ An; Công nghệ sản xuất gỗ ván sợi MDF của Công ty Cổ phần gỗ MDF Nghệ An; Tổ hợp sản xuất công nghiệp công nghệ cao tại xã Nam Giang, huyện Nam Đàn; Khu công viên điện năng lượng mặt trời SUNPOWER" của Công ty CP Điện năng lượng mặt trời Sunpower; Công nghệ xử lý rác WTE của Công ty TNHH Sa mạc Xanh...

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai các nội dung[43] về sắp xếp, tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII); xây dựng các đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy theo chuyên ngành[44]; đã tiến hành rà soát, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập[45] để thu gọn đầu mối, giảm biên chế. Triển khai kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành chính[46] cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021.

- UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; qua kiểm tra, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan, đơn vị có nhiều chuyển biến tích cực hơn. Năm 2019, đã tổ chức được 122 lớp bồi dưỡng, với 16.177 cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Triển khai Kế hoạch số 212/KH/TU ngày 09/10/2019 của Tỉnh ủy về tổ chức, kiểm tra, sát hạch công chức cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội chính trị - xã hội tỉnh Nghệ An...

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước được triển khai đồng bộ, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến; đến nay, đã có 1.769 dịch vụ công, trong đó 1.138 dịch vụ công mức độ 2, 581 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 50 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Việc tích hợp chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp[47] đã được VNPT hoàn thiện để có thể ký số trực tiếp trên phần mềm VNPT-Ioffice. Triển khai các gói thầu đặt hàng thuê dịch vụ, đào tạo, cài đặt phần mềm quản lý văn bản điều hành liên thông 4 cấp trong các cơ quan nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2019; Trục kết nối liên thông toàn tỉnh và đường truyền số liệu chuyên dùng.

6. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; công tác đối ngoại

6.1. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

- Chỉ đạo lực lượng Quân sự phối hợp với Công an, Biên phòng nắm và dự báo chính xác tình hình địa bàn; đề xuất Tỉnh ủy các chủ trương, giải pháp kịp thời, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; duy trì chế độ

---

[43] Đến nay, 22 sở, ban, ngành và 21 huyện, thành phố, thị xã; 12 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh đã xây dựng xong đề án được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua; hiện Đề án của 21 sở, ban, ngành, 12 đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã được UBND tỉnh phê duyệt.

[44] Đã xây dựng xong Đề án về đề án sắp xếp lại tổ chức, hợp nhất 05 Ban Quản lý dự án của 04 sở (Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thể thao, Xây dựng) thành 01 Ban Quản lý dự án trực thuộc tỉnh. UBND các huyện, thành phố, thị xã đang xây dựng đề án sắp xếp lại Ban Quản lý dự án cấp huyện và chuyển đổi thành đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên theo Nghị định 59/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 16 của Bộ Xây dựng; Đề án sắp xếp tổ chức lại các trung tâm: Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đầu tư, Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến thương mại, Trung tâm xúc tiến du lịch thành 1 trung tâm trực thuộc tỉnh (Giảm 3 đơn vị).

[45] Đã tiến hành sáp nhập Đài Truyền thanh truyền hình và Trung tâm Văn hóa thể thao tại 21/21 huyện, thành phố, thị xã (Giảm 22 đơn vị sự nghiệp với 66 đầu mối). Trong quý IV, hợp nhất các trạm thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, thành lập trung tâm dịch vụ nông nghiệp và bàn giao về UBND huyện quản lý; Tổ chức lại 05 BQL dự thuộc sở và các BQL dự án cấp huyện. Trong thời gian tới, tiếp tục tiến hành hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Đề án của các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

[46] Sau khi sắp toàn tỉnh còn lại 460 xã, giảm 20 xã (hiện nay Chính phủ đang thẩm định để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết). Toàn tỉnh hiện có 5.884 xóm, thôn, khối, trong đó có 3.708 đơn vị thuộc diện sáp nhập, sau khi sáp nhập sẽ giảm 1.991 đơn vị, còn lại 3.893 xóm, thôn, khối, bản.

[47] Hiện toàn tỉnh có 20 sở, ban, ngành, 21 huyện, thành, thị, bệnh viện Đa khoa TP Vinh, Bệnh viện Sản Nhi, các chi cục thuộc các sở, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường đã được cấp chứng thư số của Ban Cơ yếu Chính phủ.

trực sẵn sàng chiến đấu, điều động lực lượng dân quân tự vệ phối hợp với các lực lượng tuần tra biên giới, tuyến biển, trao đổi thông tin, vận động quần chúng, đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chỉ đạo làm tốt công tác chuẩn bị, tổ chức cho 07 huyện diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn năm 2019 đạt kết quả tốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập 98/90 hài cốt mộ Liệt sỹ trên đất Bạn Lào mùa khô 2018-2019 về nước an táng. Tuyển chọn, gọi 3.200 thanh niên nhập ngũ năm 2019 bảo đảm đúng chỉ tiêu, chất lượng. Làm tốt công tác dân vận vùng đặc thù; triển khai giải quyết các chế độ, chính sách cho các đối tượng đúng, đủ quy định và kịp thời. Chỉ đạo huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ. Chủ động triển khai, tham gia có hiệu quả trong công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, cháy rừng trên địa bàn...

- Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động, chống đối và tham mưu, phối hợp giải quyết hiệu quả các vụ việc phát sinh liên quan đến tôn giáo, tranh chấp, khiếu kiện trong nhân dân. Qua đó, góp phần làm tình hình an ninh quốc gia trên địa bàn bình yên và ổn định hơn so với các năm trước, không có các vụ việc phức tạp lớn. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin; bảo vệ vững chắc an ninh biên giới, miền núi, dân tộc; bảo vệ an toàn tuyệt đối các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các mục tiêu trọng điểm, hoạt động chính trị, xã hội lớn diễn ra trên địa bàn.

- Đẩy mạnh đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, làm giảm 9,96% tội phạm so với năm 2018, tỷ lệ điều tra đạt cao (84,9%); phá nhiều chuyên án, vụ án lớn về hình sự, ma túy được Bộ Công an, UBND tỉnh, các ngành, các cấp biểu dương, khen thưởng. Trong năm 2019, tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, không xảy ra các vụ việc mà dư luận đặc biệt quan tâm.

- Chỉ đạo triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng; tai nạn giao thông giảm 03 tiêu chí so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện tốt công tác quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện; quản lý cư trú; quản lý, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; phòng cháy chữa cháy; đã chỉ đạo tập trung lực lượng kịp thời chữa các vụ cháy, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản.

- Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở. Triển khai quyết liệt việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã.

6.2. Công tác đối ngoại

Các hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai mạnh mẽ vừa duy trì các mối quan hệ truyền thống[48], vừa mở rộng hợp tác với các địa phương mới[49]. Tập trung

[48] Như tỉnh Gyeonggi (Hàn Quốc), tỉnh Gifu (Nhật Bản), tỉnh Ulianốp (Liên bang Nga), các tỉnh của nước CHDCND Lào.

chỉ đạo triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế với nhiều sự kiện nổi bật[50]. Lãnh đạo tỉnh đã làm việc với nhiều đối tác nước ngoài quan trọng như Đại Sứ các nước, các tổ chức quốc tế, lãnh đạo địa phương các nước[51] bàn về các nội dung hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch đến các đối tác nước ngoài được triển khai khá bài bản, có trọng tâm, trọng điểm. Ký kết với các đối tác nước ngoài[52] các thỏa thuận hợp tác quan trọng về nông nghiệp, công nghiệp, xúc tiến đầu tư, phát triển nguồn nhân lực. Công tác tổ chức và quản lý xuất khẩu lao động tiếp tục được quan tâm thực hiện. Công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào được triển khai chặt chẽ, hiệu quả. Các hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại được triển khai hiệu quả, với nhiều hoạt động ý nghĩa; tổ chức nhiều sự kiện giao lưu văn hóa được diễn ra trên địa bàn tỉnh có sự tham dự của các Đại sứ quán... UBND tỉnh tổ chức, việc kết nối cộng đồng doanh nghiệp kiều bào tại các nước được triển khai hiệu quả. Công tác lãnh sự và bảo công dân tiếp tục được thực hiện tốt, nhanh chóng, kịp thời. Công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài được triển khai hiệu quả, quản lý chặt chẽ; các chương trình, dự án có ý nghĩa nhân đạo cao, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình thông qua hỗ trợ sinh kế nông thôn góp phần đảm bảo an sinh xã hội đối với người dân[53]. Công tác quản lý biên giới đất liền tiếp tục được triển khai hiệu quả, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên biên giới và góp phần tăng cường, củng cố xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển giữa 2 nước Việt Nam - Lào[54]. Công tác giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam - Lào tiếp tục được thực hiện quyết liệt, hiệu quả; hoàn thành các đợt song phương điều tra, phân loại, lập danh sách và trình cấp trên về người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới giữa tỉnh Nghệ An và các tỉnh của Lào. Các hoạt động đối ngoại nhân dân được triển khai rộng rãi, hiệu quả, từng bước đưa hoạt động đối ngoại nhân dân đi vào chiều sâu, thiết thực.

7. Công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo

---

[49] như tỉnh Kochi (Nhật Bản), thành phố Daegu (Hàn Quốc), bang Thuringen (Cộng hòa Liên bang Đức), giới thiệu thị xã Thái Hòa với thành phố Yangju, (tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc) để hợp tác...

[50] Như: tổ chức thành công Hội nghị Gặp mặt các nhà đầu tư Xuân Kỷ Hợi 2019; tổ chức Hội đàm cấp cao với Chính quyền tỉnh Ulianốp, tham dự Chương trình quảng bá du lịch Việt Nam tại Liên bang Nga và Lễ khai mạc năm hữu nghị Việt - Nga; Hội nghị Gặp gỡ Nhật Bản - Khu vực Bắc Trung Bộ, Hội nghị Gặp gỡ Nghệ An - Nhật Bản: Hợp tác và Phát triển; Đoàn đại biểu tỉnh Nghệ An tham dự Hội nghị Hợp tác phi tập trung tại Cộng hòa Pháp; tổ chức trao đổi các đoàn đại biểu của Nghệ An và các tỉnh của Lào chúc Tết Nguyên đán và Tết Bunpimay... Tiếp đón Đoàn quan chức quốc phòng 16 quốc gia thăm, làm việc tại Nghệ An.

[51] Đoàn Đại sứ và các doanh nghiệp Thái Lan, Đoàn Đại sứ Hoa Kỳ, Đoàn Đại sứ Nhật Bản, Đoàn Đại sứ Ô-xtrây-li-a, Đoàn các doanh nghiệp tỉnh Kochi (Nhật Bản), Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Xây dựng Đất nước (Lào), Đoàn Chủ tịch Quốc hội CHDCND Lào, Đoàn cán bộ Văn phòng Chính phủ Lào, Đoàn Tòa án tối cao Lào, Đoàn Bí thư, tỉnh trưởng tỉnh Sa Văn Na Khẹt, Đoàn Phó Đại sứ Singapore, đoàn Ủy ban bảo vệ Cách mạng Cuba, Đoàn công tác tỉnh Gifu (Nhật Bản), đoàn Trưởng đại diện JICA và JETRO...

[52] Như Công ty Mitsubishi Corporation Việt Nam, JICA (Nhật Bản), JETRO Hà Nội...

[53] Trong 10 tháng năm 2019, có 20 chương trình, dự án và 11 phi dự án triển khai với tổng vốn cam kết viện trợ là 4.317.069 USD, tăng 1,13 lần so cùng kỳ năm 2018 (vốn cam kết viện trợ là 3.821.484 USD).

[54] Tổ chức trục vớt, tháo gỡ thân mốc quốc giới 409; tổ chức 03 hội nghị tập huấn tuyên truyền Hiệp định Quy chế quản lý biên giới đất liền và công tác bảo vệ mốc quốc giới Việt Nam - Lào và 03 hội nghị tập huấn tuyên truyền biển đảo năm 2019.

- Thanh tra hành chính: Tính đến 31/10/2019, toàn ngành thanh tra thực hiện 216 cuộc thanh tra hành chính tại 432 đơn vị. Qua thanh tra, phát hiện 295 đơn vị có vi phạm với tổng số tiền là 43.857 triệu đồng (trong đó: kiến nghị thu hồi 31.688 triệu đồng; kiến nghị khác 12.169 triệu đồng); phát hiện sai phạm và kiến nghị xử lý 654 m^2 đất. Kết quả, đã thu hồi về ngân sách nhà nước 29.107/31.688 triệu đồng, đạt tỷ lệ 91,86%. Qua thanh tra đã kiến nghị xử lý hành chính 33 tổ chức, 136 cá nhân có sai phạm. Chuyển cơ quan điều tra 02 vụ việc.

Toàn ngành đã thực hiện 1.081 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 8.999 cá nhân, tổ chức. Qua thanh tra, đã ban hành 2.700 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 2.299 cá nhân và 401 tổ chức với số tiền xử phạt vi phạm là 9.936 triệu đồng, số tiền xử lý tài sản vi phạm (tịch thu thành tiền) là 3.407 triệu đồng ; đã thu 11.283/13.343 triệu đồng, đạt tỷ lệ 84.56%. Tập trung chủ yếu tại các lĩnh vực: Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Khoa học và Công nghệ...

Thực hiện 63 cuộc thanh tra công vụ, thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng tại 101 đơn vị. Qua thanh tra, kiến nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với 111 tổ chức và 402 cá nhân có vi phạm trong thực thi nhiệm vụ công vụ (chủ yếu là giải quyết các nhiệm vụ được giao chậm thời gian quy định).

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đã tổ chức tốt việc tiếp công dân và xử lý đơn thư gửi đến UBND tỉnh. Hàng tháng Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức tiếp dân định kỳ theo đúng quy định (đây là điểm nổi bật so với các năm trước đây). Trong 10 tháng năm 2019, các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã tiếp 6.794 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh, tăng 12,8% so với cùng kỳ; tiếp nhận 7.388 đơn thư các loại, tăng 1,7% so với cùng kỳ, với 375 vụ việc khiếu nại, tố cáo phải giải quyết, tăng 16,5% cùng kỳ; đến nay các cấp, các ngành đã giải quyết được 361/375 vụ việc, đạt tỷ lệ 96,3%.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Lĩnh vực kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2019 chưa đạt như kịch bản đặt ra (kịch bản 9,5%). Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực tăng chậm[55]. Hoạt động doanh nghiệp còn khó khăn; nợ thuế[56], nợ bảo hiểm xã hội[57] còn ở mức cao.

- Chưa thu hút được các dự án lớn, mang tính động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh; công tác thu hút đầu tư tại chỗ đối với các nhà đầu tư lớn đã được quan tâm triển khai nhưng hiệu quả đạt được chưa cao. Khó khăn của một số dự án trọng điểm hiện vẫn chưa được các sở, ngành giải quyết, nhiều dự án đầu tư

[55] Như: Tôn thép Hoa Sen, điện sản xuất, bia, thiếc, khai thác đá xây dựng, sợi các loại...

[56] Nợ thuế tính đến 30/11/2019 là 1.229 tỷ đồng; trong đó nợ khó thu 518 tỷ đồng. Đối với dự án nợ tiền sử dụng đất, có một số dự án nợ kéo dài như: Công ty BMC nợ 28 tỷ, Công ty Minh Khang nợ 237 tỷ, Công ty Vinaconex 16 nợ 30 tỷ; Công ty CP 9.1 nợ 13,8 tỷ; Công ty CP đầu tư sản xuất và thương mại Thành Vinh nợ 4,8 tỷ...

[57] Tổng số nợ BHXH của các doanh nghiệp ước tính đến tháng 12/2019 khoảng 124,36 tỷ đồng, giảm 15% so với tỷ lệ nợ cùng kỳ năm 2018.

đang tiến triển chậm. Công tác kiểm tra thu hồi dự án chậm, dự án không triển khai được thực hiện quyết liệt nhưng chưa thực sự thu được kết quả cao.

- Nguồn vốn để thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh khó khăn nên một số công trình trọng điểm triển khai chậm tiến độ. Nguồn vốn đối ứng của tỉnh để thực hiện một số dự án ODA, dự án hỗ trợ từ ngân sách Trung ương còn gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp; thời tiết nắng nóng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân, cháy rừng diễn ra tại nhiều địa phương. Hợp tác xã phát triển chậm, các mô hình sản xuất chưa bền vững và việc nhân rộng, phát huy hiệu quả chưa cao.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng, giao đất, giao rừng, quản lý đất đai, khoáng sản, môi trường còn một số bất cập. Việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo các nghị quyết của HĐND tỉnh đạt tỷ lệ thấp. Tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép vẫn đang còn xảy ra tại một số địa phương nhưng chậm được xử lý; công tác bảo vệ môi trường đô thị, nước sạch phục vụ sinh hoạt, đầu tư bãi xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý rác thải y tế,... còn nhiều bất cập.

- Chưa có các sản phẩm đột phá nhằm thay đổi diện mạo về lĩnh vực du lịch. Tính chất mùa vụ trong kinh doanh du lịch, nhất là khu vực ven biển đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dịch vụ. Nguồn nhân lực du lịch và liên quan đến du lịch còn thiếu chuyên nghiệp cả về kỹ năng và thái độ phục vụ...

2. Lĩnh vực văn hóa – xã hội

- Chất lượng trường chuẩn quốc gia chưa bền vững, vẫn còn 318 trường chuẩn quốc gia đã quá thời hạn 5 năm nhưng chưa được công nhận lại; Cơ sở vật chất nhiều trường học còn thiếu thốn nhất là bậc học mầm non.

- Hiệu quả công tác quản lý hoạt động hành nghề y, dược ngoài công lập, vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn còn bất cập[58]. Trong năm vẫn còn xảy ra sự cố về y khoa tại một số cơ sở y tế.

- Công tác quản lý quỹ BHYT, kiểm soát chi phí khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn; chi khám chữa bệnh BHYT vượt dự toán của Thủ tướng Chính phủ giao.

- Công tác quản lý di tích còn bất cập. Hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền chưa thực sự rõ nét, hiệu quả.

- Chất lượng đào tạo của một số ngành, nghề chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường sử dụng lao động. Quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn lao động, nhất là ở cấp huyện còn bất cập; tai nạn lao động tại doanh nghiệp vẫn xảy ra; còn tồn tại tình trạng người lao động cư trú và làm việc bất hợp pháp tại nước ngoài. Việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập người dân ở khu vực miền núi chưa được quan tâm đúng mức.

---

[58] Như: hành nghề vượt quá phạm vi cho phép, quảng cáo quá phạm vi chuyên môn, biển hiệu ghi chưa đúng quy định, niêm yết giá thuốc và giá dịch vụ y tế không đầy đủ, người hành nghề không đúng chức danh, người phụ trách chuyên môn còn vắng mặt khi cơ sở hoạt động, vệ sinh cơ sở không đạt.

- Công tác chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em còn chưa tốt, tình trạng trẻ em bị đuối nước[59], tảo hôn, mua bán trẻ em còn xảy ra ở một số địa phương.

- Mối liên kết giữa nghiên cứu và đào tạo, giữa nghiên cứu với thị trường, giữa nhà khoa học với doanh nghiệp còn yếu. Số lượng doanh nghiệp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng, sáng chế, giải pháp hữu ích chưa được nhiều; hơn 90% doanh nghiệp chưa đăng ký nhãn hiệu.

3. Cải cách hành chính, quản lý nhà nước

- Một số đơn vị cấp huyện chưa tích cực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm Năm Cải cách hành chính; kết quả thực hiện chưa rõ nét, nhất là rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, đặc biệt là lĩnh vực đất đai, đầu tư để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị vẫn còn hình thức[60]. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa nhiều.

- Hoạt động tự kiểm tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong nội bộ một số cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ. Tinh thần trách nhiệm, thái độ, giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức trong một số cơ quan, đơn vị chưa đúng mực.

- Việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ở một số cơ quan, đơn vị ở các cấp chưa đạt tiến độ quy định. Nhiều vấn đề khó khăn phát sinh trong thực tiễn sắp xếp tổ chức bộ máy, nhất là sáp nhập xã, xóm, khối, bản...

- Việc đôn đốc, triển khai thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm toán, các cuộc giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh, Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh của một số lĩnh vực chuyển biến còn chậm.

- Tội phạm ma túy, tội phạm kinh tế diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng. Tình trạng mua bán bào thai và trẻ em vi phạm pháp luật vẫn diễn ra ở một số nơi.

III. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống văn bản Luật, Nghị định, Thông tư có nhiều quy định còn thiếu cụ thể, chưa đồng bộ, thủ tục phức tạp, chồng chéo gây vướng mắc, lúng túng cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình triển khai, nhất là về lĩnh vực đất đai, đầu tư...

- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu cũng như thị trường nội địa; cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn. Thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, mưa lụt gây thiệt hại nhiều về tài sản, cơ sở hạ tầng; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, nhất là dịch tả lợn Châu Phi, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

---

[59] Số trẻ em tử vong do đuối nước là 58 em.

[60] Công khai thủ tục hành chính chưa đúng quy định; hướng dẫn thủ tục hành chính chưa đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ còn thừa thành phần, thực hiện quy trình luân chuyển, xử lý hồ sơ không đúng quy định; một số hồ sơ còn chậm so với thời gian quy định.

- Huy động nguồn lực cho đầu tư còn khó khăn trước yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng cũng như thực hiện các chính sách của tỉnh; nguồn lực hạn chế, vốn đầu tư công khó khăn; nguồn lực đầu tư dành cho giải phóng mặt bằng còn thiếu.

- Các thế lực thù địch và bọn tội phạm tiếp tục xác định Nghệ An là địa bàn tập trung hoạt động, chống phá.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Khó khăn về tài chính dẫn đến chương trình, đề án đề ra nhưng chưa cân đối nguồn lực đảm bảo; việc rà soát chính sách chưa được tập trung chỉ đạo, tình trạng chính sách manh mún, kéo dài, hiệu quả thấp, làm ảnh hưởng đến ban hành các chính sách mới; những yếu kém của bộ máy quản lý nhà nước các cấp trong tổ chức, triển khai thực hiện chính sách thiếu đồng bộ.

- Việc đôn đốc, chỉ đạo của các ngành, các cấp có nơi, có lúc chưa quyết liệt, tư tưởng ngại va chạm, sợ sai, điều hành chưa cụ thể. Tính chủ động xử lý của cấp cơ sở còn yếu, huy động nội lực của nhiều cơ sở còn khó khăn. Một số sở, ngành thiếu quyết liệt và chủ động, chưa bám sát chương trình công tác để tham mưu các nội dung thuộc trách nhiệm của đơn vị. Công tác tham mưu một số dự án đầu tư còn chậm, chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tiến độ xử lý hồ sơ dự án chậm. Vai trò của người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị chưa thể hiện rõ, tính trách nhiệm chưa cao.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số ngành, địa phương chưa nghiêm; thiếu chủ động trong giải quyết và thực thi công việc. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức tinh thần trách nhiệm, tính chủ động và chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu.

IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019

Trên cơ sở kết quả thực hiện 10 tháng, dự báo những khó khăn trong thời gian tới; cần phải tập trung thực hiện quyết liệt, nhất là một số chỉ tiêu dự báo còn khó khăn như: Tốc độ tăng trưởng GRDP, Giá trị sản xuất công nghiệp, GRDP/người,... Do vậy, các cấp, các ngành cần tập trung nỗ lực phấn đấu trong thời gian còn lại của năm 2019 để nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đã đặt ra. Dự kiến kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	KH HĐND giao	Ước thực hiện cả năm 2019	Đánh giá khả năng thực hiện so KH
I. Chỉ tiêu kinh tế			
1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (%)	9,0-9,5	9,03	Đạt
Nông, lâm, ngư nghiệp (%)		*4,81*	

Chỉ tiêu	KH HĐND giao	Ước thực hiện cả năm 2019	Đánh giá khả năng thực hiện so KH
Công nghiệp - Xây dựng (%)		*13,51*	
Trong đó: Riêng công nghiệp (%)		*14,92*	
Dịch vụ (%)		*7,51*	
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)		*12,2*	
2. GTSX nông lâm ngư tăng (%)	4,3-4,5	4,97	Vượt
3. GTSX công nghiệp – xây dựng tăng (%)	15-16	14,54	Khó đạt
Trong đó: GTSX công nghiệp tăng (%)	*19-20*	*16,40*	*Khó đạt*
GTSX xây dựng tăng (%)	*10-11*	*11,17*	*Đạt*
4. GTSX các ngành dịch vụ tăng (%)	7,5-8,5	7,99	Đạt
5. Cơ cấu kinh tế (%)	100	100	Đạt
Nông, lâm, ngư nghiệp	*19-20%*	*21,36%*	
Công nghiệp - Xây dựng	*35-36%*	*32,05%*	
Dịch vụ	*43-44%*	*46,59%*	
6. Thu ngân sách (tỷ đồng)	13.498	15.500	Vượt
7. Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	1.090	1.100	Vượt
8. GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	42-43	43,08	Đạt
9. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (ngàn tỷ đồng)	74-75	76	Vượt
10. Xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã)	27	40	Vượt
II. Chỉ tiêu xã hội			
11.Mức giảm tỷ lệ sinh (‰)	0,3-0,4	0,3	Đạt
12.Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn (%)	4,0	4,0	Đạt
13.Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới (%)	17,0	17,0	Đạt
14.Số trường đạt chuẩn quốc gia trong năm (trường)	21	45	Vượt
15.Tạo việc làm mới (ngàn người)	37-38	38	Đạt
16.Tỷ lệ lao động được đào tạo (%)	63	63	Đạt
Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	*58,1*	*58,1*	*Đạt*

Chỉ tiêu	KH HĐND giao	Ước thực hiện cả năm 2019	Đánh giá khả năng thực hiện so KH
17. Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế (%)	90	90,6	Vượt
18. Số bác sỹ/vạn dân (bác sỹ)	8,2	8,2	Đạt
19. Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ (%)	90	90	Đạt
20. Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân	29	34	Vượt
21. Tỷ lệ gia đình văn hóa (%)	83,6	83,6	Đạt
22. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế VHTT đạt chuẩn quốc gia (%)	52	54	Vượt
23. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	90,15	90,5	Vượt
III. Chỉ tiêu môi trường			
24. Tỷ lệ che phủ rừng (%)	57,72	58	Vượt
25. Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch			
- Đối với đô thị loại 4 trở lên (%)	89	89	Đạt
- Đối với đô thị loại 5 (%)	78	78	Đạt
26. Tỷ lệ dân nông thôn dùng nước hợp vệ sinh (%)	82,5	83	Vượt
27. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý (%)	94	94	Đạt

Đánh giá chung: *Năm 2019 mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhất là thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp và gây hậu quả nặng nề nhưng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt kết quả khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Kinh tế tiếp tục có bước phát triển; nhiều ngành, lĩnh vực có bước tăng trưởng khá, có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung; sản xuất nông nghiệp duy trì phát triển trong điều kiện gặp thiên tai, mưa lũ; sản xuất công nghiệp dù còn khó khăn nhưng vẫn có mức tăng trưởng; khu vực dịch vụ, nhất là du lịch tiếp tục tăng trưởng khá cao; công tác đối ngoại, xúc tiến đầu tư có nhiều đổi mới, thu hút đầu tư đạt nhiều kết quả khá; các dự án trọng điểm được quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Văn hóa, xã hội có tiến bộ; các vấn đề an sinh xã hội được đảm bảo; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện. Cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh tiếp tục được cải thiện. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nhiều chỉ tiêu của năm 2019 đạt và vượt kế hoạch đề ra, tạo điều kiện cho việc thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.*

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập Nước, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 990 năm danh xưng Nghệ An, 90 năm phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh; là năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực còn nhiều yếu tố bất định, xen lẫn giữa thuận lợi và khó khăn thách thức, với quy mô kinh tế còn khiêm tốn, độ mở kinh tế lớn, Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục chịu tác động nhiều chiều từ tình hình khu vực và quốc tế.

1. Thuận lợi: Tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo vẫn duy trì mức tăng trưởng, mặc dù có xu hướng chậm lại. Ở trong nước, các cân đối vĩ mô được duy trì ổn định; Chính phủ tiếp tục nỗ lực cải cách để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích đầu tư tư nhân, tăng cường quan hệ với các đối tác trên toàn cầu thông qua nhiều hiệp định thương mại[61], thu hút các doanh nghiệp nước ngoài tìm kiếm cơ hội mở rộng kinh doanh tại Việt Nam. Chính trị - xã hội được giữ ổn định sẽ tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Ở trong tỉnh, một số dự án trọng điểm dự kiến đi vào hoạt động sẽ tạo ra năng lực sản xuất mới, góp phần giải quyết việc làm và đóng góp nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Khó khăn: Chính trị và kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là tốc độ tăng trưởng các nền kinh tế lớn có thể giảm mạnh hơn, bao gồm Liên minh châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc - các đối tác thương mại chính của Việt Nam. Trong nước, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, tăng năng suất lao động chưa trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế; dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các yếu tố lợi thế vốn có như lao động giá rẻ, khai thác tài nguyên... đang dần mất đi, đã và đang là những thách thức đối với nền kinh tế nước ta.

Ở trong tỉnh, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, nhiều công trình hạ tầng xuống cấp nhưng nguồn lực còn hạn chế. Thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, tình hình biến đổi khí hậu ngày càng khốc liệt. Nguồn thu ngân sách còn thấp, trong khi nhu cầu chi ngân sách ngày càng lớn. Trình độ sản xuất thấp, trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu. Xã hội tiếp tục nảy sinh nhiều vấn đề mới bức xúc; đời sống nhân dân vẫn ở mức thấp, đặc biệt là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

Trên cơ sở Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, ước thực hiện các chỉ tiêu năm 2019, dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020 như sau:

---

[61] Như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP)

a) Chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP): 9,0% - 10%
- Giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp tăng: 4,5% - 5,0%
- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng: 16,5% - 17%

Trong đó: GTSX công nghiệp tăng: *18,2% - 18,5%*

- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng: 7,5% - 8,5%
- Cơ cấu kinh tế: nông, lâm, ngư khoảng 20-21%; Công nghiệp - xây dựng khoảng 33-34%; dịch vụ khoảng 45-46%.
- Thu ngân sách: 15.216 tỷ đồng
- Tổng kim ngạch xuất khẩu: 1.200 triệu USD
- Tổng nguồn đầu tư phát triển toàn xã hội: 84-85 ngàn tỷ
- GRDP bình quân đầu người khoảng: 46-47 triệu đồng
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận trong năm tối thiểu là: 25 xã

b) Chỉ tiêu xã hội

- Mức giảm tỷ lệ sinh : 0,3-0,4‰
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn: 3,0%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng: 16,8%
- Số trường đạt chuẩn quốc gia trong năm: 25 trường
- Tạo việc làm mới: 38 ngàn người
- Tỷ lệ lao động được đào tạo: 65%

Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề *61%*

- Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế: 91%
- Số bác sỹ/vạn dân: 8,5 bác sỹ
- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ: 90%
- Số giường bệnh/vạn dân: 34,4 giường
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: 84%
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn quốc gia: 60%
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế : 90,6%
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội so với lực lượng 16,09%

lao động trong độ tuổi lao động[62]

c) Chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 85%
- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch:
+ *Đối với đô thị loại 4 trở lên* *90%*
+ *Đối với đô thị loại 5* *80%*
- Tỷ lệ che phủ rừng: 58,2%
- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý: 95%

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, chương trình trọng điểm theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, các chỉ tiêu Kế hoạch 5 năm 2016-2020; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; Kế hoạch số 199-KH/TU ngày 17/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Thông báo số 55-TB/TW ngày 20/4/2019 của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.

1.1. Tập trung thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo tinh thần Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 06/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện hiện tốt Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ nhằm mở rộng hợp tác, liên kết sản xuất chặt chẽ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa kinh tế hộ gia đình, HTX với doanh nghiệp, với thị trường để đưa nông nghiệp sản xuất lớn, giá trị gia tăng cao, bảo đảm an toàn thực phẩm. Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào

---

[62] Bổ sung chỉ tiêu chủ yếu này theo kiến nghị của HĐND tỉnh tại văn bản số 268/HĐND.TT ngày 05/6/2019 của HĐND tỉnh về việc tổng hợp kiến nghị, đề xuất sau giám sát từ đầu nhiệm kỳ 2016-2021 đến nay: *"Đề nghị UBND các cấp thực hiện đúng quy định tại Khoản 2, Điều 12, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014: tham mưu xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm trình HĐND tỉnh cùng cấp quyết định"*.

lĩnh vực nông nghiệp, người dân mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn, các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất tập trung, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với tiêu thụ. Phát triển kinh tế rừng, các vùng rừng nguyên liệu tập trung, cây gỗ lớn; làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Tiếp tục phát triển thủy sản, bao gồm tăng cường thâm canh trong nuôi trồng và khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

a) Nông nghiệp:

- Ổn định sản xuất lương thực với tổng diện tích gieo trồng khoảng 237-240 ngàn ha; sản lượng ổn định khoảng 1,2 triệu tấn. Trong đó, cây Lúa bố trí diện tích gieo trồng khoảng 182 ngàn ha, tăng diện tích gieo trồng giống lúa chất lượng, có giá trị cao, dễ tiêu thụ. Thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật canh tác, phòng trừ dịch bệnh, nhất là bệnh đạo ôn, lùn sọc đen, sâu cuốn lá nhỏ... Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa theo hướng tập trung chuyển đổi 1 lúa (chân ruộng cao, thiếu nước) sang trồng rau các loại, ngô, mía,...; mô hình 1 lúa (chân ruộng trũng bấp bênh trong vụ mùa) sang lúa - cá và tăng diện tích cây màu vụ Đông trên đất trồng 02 lúa. Tiếp tục phát triển cây công nghiệp có giá trị: bố trí diện tích lạc khoảng 14.500 ha, phấn đấu đưa các loại giống mới, có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, tăng diện tích lạc phủ ni lông; tập trung thâm canh khoảng 26.000 ha mía để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; bố trí trồng khoảng 7.300 ha sắn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; thực hiện trồng mới các loại cây công nghiệp dài ngày: chè khoảng 600-1.000 ha, cao su khoảng 500 ha, ổn định diện tích cam với khoảng 7.500 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm khoảng 3.700 ha...

- Tổ chức lại sản xuất chăn nuôi trên địa bàn theo chuỗi liên kết, trong đó phát huy tối đa vai trò của doanh nghiệp với vai trò là người dẫn dắt; hiệp hội và hợp tác xã nhằm kiểm soát tốt hơn về chất lượng, an toàn thực phẩm, tiêu thụ sản phẩm và điều tiết cung cầu thị trường các sản phẩm chăn nuôi. Tập trung đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo mô hình công nghiệp, trang trại; tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư mạnh vào chăn nuôi bò, lợn. Phấn đấu năm 2020, đàn bò tăng 2,7%, tổng đàn lợn khoảng 01 triệu con, tổng đàn gia cầm khoảng 25-26 triệu con. Nâng cao trọng lượng và chất lượng con nuôi để phấn đấu đạt sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 258 ngàn tấn; củng cố, nâng cao chất lượng đàn bò sữa để phát huy tối đa công suất các nhà máy chế biến sữa trên địa bàn (sản lượng sữa tươi đạt khoảng 250 triệu lít). Tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch động vật, vệ sinh thú y, an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Lâm nghiệp: Tập trung tăng nhanh diện tích, chất lượng rừng trồng; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển thế giới để tạo hệ sinh thái bền vững nhằm bảo vệ đất, quỹ gen, môi trường và cảnh quan thiên nhiên. Đưa nghề rừng thành một ngành kinh tế quan trọng để người dân làm nghề rừng có thể sống và làm giàu từ

rừng. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ trồng, chăm sóc và bảo vệ diện tích rừng hiện có. Trồng mới rừng tập trung khoảng 17.000 ha, tập trung chỉ đạo mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn, khai thác gỗ khoảng 1.380 ngàn m^3. Thực hiện tốt quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lâm sản, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện tốt vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến gỗ Nghĩa Đàn, Anh Sơn để đảm bảo phát huy tốt công suất thiết kế.

c) Thuỷ sản, diêm nghiệp: Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư thâm canh, đưa nhanh các loại con nuôi có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường vào sản xuất; cơ cấu lại ngành khai thác hải sản theo hướng giảm dần, tiến tới ổn định sản lượng khai thác thủy sản gần bờ, phát triển khai thác hải sản xa bờ gắn với đầu tư các đội tàu có trang thiết bị đồng bộ, hiện đại và các dịch vụ hậu cần nghề cá; gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Phấn đấu sản lượng thuỷ sản đạt 232.000 tấn. Ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 21.000 ha. Sản xuất tôm và cá giống đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng để cung cấp nhu cầu nuôi trên địa bàn. Đẩy mạnh áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và tổ chức quản lý, giám sát cộng đồng để quản lý môi trường và áp dụng các hình thức xử phạt nghiêm đối với các cơ sở sản xuất không tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển thủy sản để đầu tư, nâng cấp đội tàu có công suất trên 90CV với trang thiết bị hàng hải hiện đại để tăng khai thác vùng khơi, kết hợp với thu hồi nợ vay đối với các chủ tàu; Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền. Đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, thuyền máy trưởng cho ngư dân.

d) Phát triển nông thôn:

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện một cách đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tuyên truyền, vận động, huy động, lồng ghép các chương trình, dự án để tập trung nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, nhất là ưu tiên đầu tư cho các xã đăng ký về đích năm 2020. Phấn đấu năm 2020 có ít nhất 25 xã được công nhận thêm về đạt chuẩn nông thôn mới và tăng bình quân 0,3-0,5 tiêu chí/xã.

- Tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản và xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án ''Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch giai đoạn 2018-2025", Đề án "Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng giai đoạn 2017-2020".

- Đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả, nhất là các mô hình sản xuất để góp phần hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô lớn, nhằm tạo sản phẩm hàng hoá cho chế biến và xuất khẩu. Làm tốt công tác hướng dẫn nông dân phát triển sản xuất theo quy hoạch. Thực hiện rà soát, tổng kết và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Triển khai thực hiện tốt chính sách

bảo hiểm trong nông nghiệp. Phát triển mạnh ngành nghề nông thôn có lợi thế như: Mây tre đan xuất khẩu, dệt thổ cẩm, trồng dâu nuôi tằm, trồng nấm, mộc dân dụng, chế biến nông lâm thuỷ sản... và một số ngành nghề phi nông nghiệp khác để tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Đẩy mạnh việc xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản tìm kiếm thị trường, nhằm tháo gỡ khó khăn trong tiêu thụ nông sản cho nông dân.

- Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trong đó chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng nguyên liệu, thuỷ lợi, điện đảm bảo sản xuất và đời sống.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, phát triển dịch vụ nông nghiệp tạo điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng các cánh đồng mẫu nhằm tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, tạo nhiều cánh đồng cho thu nhập từ 100 triệu đồng/ha trở lên.

1.2. Phát triển công nghiệp

Tập trung chỉ đạo quyết liệt phát triển công nghiệp. Định hướng cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng phát triển những dự án công nghệ mới, tiên tiến, đảm bảo về môi trường. Lựa chọn những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao, sử dụng nhiều lao động, trả lương hợp lý, đảm bảo các điều kiện lao động cho công nhân để ưu tiên phát triển.

Phát huy tốt công suất các nhà máy hiện có, đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhà máy để tăng năng lực sản xuất, nhất là các sản phẩm trọng điểm đóng góp giá trị sản xuất lớn như: bia, thuỷ điện, xi măng, sữa, tôn thép, vật liệu xây dựng,... Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp VSIP, Hemaraj, Hoàng Mai,... để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

- Năng lực sản xuất tăng thêm dự kiến trong năm 2020:

+ Thuỷ điện: Phát huy tốt công suất các nhà máy thủy điện hiện có, như Bản Vẽ, Khe Bố, Hủa Na,... Đưa vào sản xuất trong năm 2020 thủy điện Khe Thơi (12MW), Suối Choang (4MW), Nậm Giải (4MW), Sông Quang (12,5MW), Châu Thôn (27MW), với tổng công suất 59,5MW.

+ Công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản: Khai thác công suất các nhà máy chế biến chè, tinh bột sắn, mía đường, chế biến thuỷ sản, thức ăn gia súc... Phấn đấu đưa một số nhà máy vào hoạt động trong năm 2020 như: Nhà máy viên nén sinh khối DKC (120.000 tấn/năm); Nhà máy viên nén sinh khối Biomass (160.000 tấn/năm); Nhà máy chế biến cá ngừ Frescol Tuna (45.000 tấn/năm); Dây chuyền sản xuất đường lỏng Công ty Á Châu Hoa Sơn (45.000 tấn/năm); Phát huy công suất Nhà máy sữa Vinamilk (98 triệu lít/năm);...

+ Các dự án trong Khu Kinh tế Đông Nam sẽ đi vào hoạt động trong năm 2020 như: Nhà máy Luxshare (62,85 triệu sản phẩm/năm); Nhà máy Great Longview Việt Nam (720.000 sản phẩm/năm); Nhà máy sản xuất và gia công kính an toàn Việt Đức (200.000 m^2 sản phẩm kính/năm),...

+ Sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng: Phát huy hết công suất các nhà máy xi măng, trong đó nhà máy xi măng Sông Lam đi vào sản xuất ổn định. Dự kiến năm 2020 có một số nhà máy đi vào sản xuất như: Nhà máy xi măng Tân Thắng (2 triệu tấn/năm); Nhà máy kính cường lực Việt Đức (120.000 m^2/năm); Tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng của Công ty Cổ phần Trung Đô, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc (4 triệu m^2/năm)...

+ Công nghiệp dệt may, da dày: Đảm bảo hoạt động các nhà máy hiện có; phấn đấu đi vào hoạt động trong năm 2020 một số nhà máy như: Nhà máy Dày da xuất khẩu Đỉnh Vàng (3 triệu đôi/năm); Nhà máy may SANGWOO (2 triệu sản phẩm/năm); Nhà máy may TAAD (11 triệu sản phẩm/năm); Nhà máy may Halotexco (5 triệu sản phẩm/năm); Nhà máy may Nam Thuận (10 triệu sản phẩm/năm;...

1.3. Các ngành dịch vụ

Phát triển mạnh các lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng và lợi thế lớn, có hàm lượng khoa học và công nghệ mang lại giá trị gia tăng cao (như du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...). Tập trung xây dựng thương hiệu hàng hóa các sản phẩm trong tỉnh.

- Thương mại: Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Thực hiện đồng bộ các giải pháp mở rộng thị trường. Đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, bảo đảm chất lượng hàng hóa, nâng cao khả năng giải quyết tranh chấp thương mại, hỗ trợ thông tin thị trường thế giới. Làm tốt công tác dự báo diễn biến của thị trường để sớm có biện pháp xử lý kịp thời. Phấn đấu đưa tổng mức bán lẻ hàng hoá tăng khoảng 15% so với năm 2019; kim ngạch xuất khẩu đạt 1.200 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu từ 550- 600 triệu USD.

- Du lịch: Đẩy mạnh quảng bá du lịch (nhất là du lịch biển) gắn với tổ chức sắp xếp lại hệ thống dịch vụ du lịch trên địa bàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả các dịch vụ du lịch. Tổ chức làm việc với các hãng du lịch lữ hành, Tổng cục Du lịch, các hãng vận tải để tăng chuyến (đường không, đường bộ, đường sắt,...), kết nối tua tuyến du lịch (Vinh, Cửa Lò, Nam Đàn, Quỳ Châu, Yên Thành, Con Cuông), thu hút nhiều dịch vụ vui chơi, giải trí để tăng lượng khách du lịch. Tiếp tục đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng du lịch. Tổ chức tốt khách tham quan các điểm du lịch Vinh, Nam Đàn, Cửa Lò, vườn quốc gia Pùmát... Phấn đấu đạt khoảng 5,5 triệu lượt khách, tăng doanh thu du lịch 14-16% so với năm 2019.

- Các ngành dịch vụ khác: Tạo điều kiện thuận lợi phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, thông tin, dịch vụ như bảo hiểm, tư vấn, tài chính ngân hàng,...; phấn đấu năm 2020 đạt mức tăng trưởng nguồn vốn huy động tại địa bàn 15-20%, tốc độ tăng đầu tư tín dụng khoảng 16-18%. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ lãnh đạo quản lý và sản xuất kinh doanh và quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin liên lạc thuận lợi, thông suốt trong mọi tình huống và toàn diện trên địa bàn tỉnh.

1.4. Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 theo tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện đồng bộ việc giám sát của các cơ quan quản lý chuyên ngành về hoạt động của các doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Năm 2020 đăng ký thành lập mới 1.900-2.000 doanh nghiệp.

- Tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện để đưa Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh đi vào hoạt động; tăng cường tuyên truyền, tư vấn thành lập các HTX trên địa bàn các xã, phường, thị trấn chưa có HTX. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là đội ngũ quản lý để các HTX nâng cao năng lực tổ chức, quản trị, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX về tăng cường nhân lực, tín dụng, xúc tiến thương mại, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm để các HTX có điều kiện mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Trong năm 2020 thành lập mới khoảng 40 HTX.

1.5. Thu, chi ngân sách

Căn cứ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2018, dự báo tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm 2020 đối với từng ngành, từng lĩnh vực, năng lực và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng đối tượng nộp thuế trên địa bàn, dự kiến tổng thu cân đối ngân sách năm 2020 khoảng 15.216 tỷ đồng, so với ước thực hiện năm 2019.

Chi ngân sách được xây dựng trên cơ sở nguồn chi thời kỳ ổn định ngân sách (bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương và thu ngân sách địa phương hưởng năm 2017); bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (vốn xây dựng cơ bản theo chương trình Chính phủ, vốn thiết bị nước ngoài, CTMTQG, bổ sung có mục tiêu – vốn sự nghiệp – để thực hiện các cơ chế chính sách mới); bù chi mặt bằng năm 2020 do chi đầu tư XDCB vốn trong nước tăng theo lộ trình, bù mặt bằng chi thường xuyên do hụt thu nội địa phần địa phương được hưởng...

2. Tiếp tục thực hiện tốt 3 khâu đột phá chiến lược

2.1. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính của các cấp, các ngành; trong đó tổ chức vận hành có hiệu quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An; nghiên cứu đổi mới, cải cách thủ tục hành chính một số lĩnh vực của một số đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây

dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải... Tăng cường công khai, minh bạch, cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian, giảm chi phí; nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Xây dựng Chính quyền điện tử. Công khai, minh bạch trong đấu thầu, triển khai quyết liệt đấu thầu qua mạng theo đúng lộ trình và kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tăng cường công khai, minh bạch trong đấu thầu.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính ở các cấp theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện chỉ đạo của cơ quan hành chính cấp trên và người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tập trung cao việc chỉ đạo theo chương trình, kế hoạch để các cấp, các ngành chủ động xử lý công việc, tránh chồng chéo, thụ động. Tăng cường công tác chỉ đạo, đốc thúc, kiểm tra, thanh tra thực hiện nhiệm vụ đề ra; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

- Xây dựng chính quyền phục vụ, tập trung vào tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, đưa vào nề nếp việc kiểm điểm tiến độ và kết quả thực hiện chương trình công tác đã đề ra theo cơ chế điều hành. Phân công trách nhiệm chỉ đạo cụ thể, toàn diện của từng cá nhân lãnh đạo. Nắm bắt các thông tin và kiến nghị từ cơ sở để có phương án, biện pháp xử lý và giải quyết kịp thời.

2.2. Phát triển kết cấu hạ tầng

Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; ưu tiên đầu tư cho các công trình giao thông và hạ tầng đô thị lớn, các công trình có tính kết nối, lan tỏa phát triển giữa các ngành, lĩnh vực, vùng miền; phát triển hệ thống thủy lợi, các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường,... Đầu tư phát triển cơ sở vật chất các ngành giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, du lịch, thông tin và truyền thông,... và các phúc lợi xã hội khác. Phân loại các dự án, định hướng huy động nguồn vốn để triển khai thực hiện. Thực hiện chuyển đổi hình thức đầu tư theo các hình thức đối tác công tư PPP... Đối với các dự án thuộc các lĩnh vực giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, giáo dục, văn hóa thể thao... cần đẩy mạnh chính sách xã hội hóa, huy động nguồn lực trong dân để xây dựng công trình. Đối với các dư án trạm y tế xã, trụ sở xã thì thực hiện lồng ghép trong chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình khác...

- *Tập trung nguồn lực để đầu tư cho công trình trọng điểm theo Nghị quyết 26-NQ/TW của Bộ Chính trị.* Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam đa ngành, đa chức năng, là địa bàn phát triển có tính đột phá, trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại, cảng biển của vùng với đầu tư đồng bộ khu công nghiệp - đô thị Hoàng Mai - Đông Hồi, VSIP Nghệ An, Hemaraj, Hoàng Thịnh Đạt, khu công nghiệp Nam Cấm, trục kinh tế Vinh - Cửa Lò, tổ hợp khu nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí VINPEARL Cửa Hội,... Xây dựng Thành phố Vinh trở thành trung tâm kinh tế - văn hóa vùng Bắc Trung Bộ. Tiếp

tục hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội đang triển khai trong Khu kinh tế, các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Tiếp tục nâng cấp và đồng bộ hoá hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho các thị xã, thị trấn, thị tứ. Xây dựng kết cấu hạ tầng cho thị xã Thái Hoà, Hoàng Mai; thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại tại thị xã Thái Hòa, thị xã Hoàng Mai, thành phố Vinh (Tập đoàn Vingroup). Phát triển và mở rộng quy mô TX Cửa Lò và các thị trấn một số huyện.

- Phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, thông tin

+ Đẩy nhanh tiến độ, sớm triển khai xây dựng các công trình trọng điểm: Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò; đường Mường Xén - Ta Đo - Khe Kiền; đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài; đường 72m; dự án LRAMP (hợp phần đường), đường ven biển; các nút giao thông quan trọng, các cầu qua sông, suối; đồng thời xây dựng các tuyến đường phục vụ phát triển TP Vinh, TX Cửa Lò và các vùng trọng điểm của tỉnh, xây dựng các bến xe; thu hút đầu tư cải tạo công viên... Phấn đấu huy động, lồng ghép các nguồn vốn xây dựng giao thông nông thôn. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, nhà đầu tư để sớm hoàn thành điều chỉnh quy hoạch bến cảng phía Nam Cửa Lò, điều chỉnh quy hoạch cảng Đông Hồi; sớm triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình giao thông quan trọng như: cầu Cửa Hội, đường bộ cao tốc Bắc Nam đoạn qua tỉnh Nghệ An, dự án LRAMP (hợp phần cầu), đường bộ cao tốc Viêng Chăn – Hà Nội, cảng chuyên dụng Nghi Thiết, xây dựng bến 6,7,8 cảng Cửa Lò, nâng cấp luồng vào cảng Cửa Lò, kết hợp nâng cấp các bến bãi, đầu tư cảng Đông Hồi, cảng hàng không quốc tế Vinh,...

+ Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống trạm bơm, hồ đập, hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới tiêu. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình thủy nông Bắc, hồ Bản Mồng (Quỳ Hợp) kết hợp thuỷ điện; củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè ven biển, ven sông.

+ Nâng cấp hệ thống đường dây trạm; mở lưới 110KV tới tất cả các huyện, Thực hiện dự án về phát triển lưới điện nông thôn miền núi; Phát triển lưới điện 35 KV, 22 KV sau các trạm 110 KV...

+ Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ lãnh đạo quản lý và sản xuất kinh doanh và quốc phòng, an ninh. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

2.3. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển giáo dục và chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Từng bước phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để thực hiện đột phá về phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Từng bước hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhất là những ngành, lĩnh vực mà Nghệ An có lợi thế. Thực hiện đào tạo gắn với giải quyết việc làm, đào tạo theo địa chỉ; tích cực phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; Tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm

nhằm đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Phấn đấu xây dựng Nghệ An thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn chất lượng và chất lượng cao trong khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Phát triển giáo dục miền núi, giảm sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các nhóm dân cư và tạo cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân. Tạo mọi điều kiện để huy động được nhiều trẻ khuyết tật nhẹ, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đi học. Giáo dục hoà nhập được thực hiện ở tất cả các cấp học. Phấn đấu huy động 90% trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo; tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp tiểu học đạt 99,8%, cấp trung học cơ sở đạt 99%, cấp THPT đạt 98%.

Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh qui hoạch mạng lưới trường lớp phù hợp với điều kiện các vùng miền, các cấp học, ngành học; tăng cường cơ sở vật chất kiên cố hoá trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên, xây dựng hệ thống trường Phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú để tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục miền núi. Xây dựng và phấn đấu được công nhận mới 25 trường, công nhận lại từ 2-12 trường đạt chuẩn quốc gia nhằm nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 73,34%.

3. Thực hiện tốt lĩnh vực văn hóa – xã hội

3.1. Khoa học - công nghệ

- Đổi mới lựa chọn, xác định nhiệm vụ KH&CN theo hướng tập trung giải quyết các KH&CN trọng điểm, theo chuỗi giá trị sản phẩm, lồng ghép nhiều nguồn đầu tư khác nhau nhằm góp phần phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, đặc sản của tỉnh. Tăng cường nhân rộng các đề tài, mô hình hiệu quả. Đẩy mạnh triển khai thực hiện chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ.

- Lựa chọn một số sản phẩm có tiềm năng, lợi thế để tập trung đầu tư về KH&CN nhằm phát triển thành sản phẩm hàng hóa, hoặc thành những vùng nguyên liệu tập trung có quy mô lớn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, phục vụ mục tiêu sản xuất sạch hơn. Bảo tồn và khai thác phát triển nguồn gen các loài cây, con đặc sản, đặc hữu thuộc loại quý hiếm hoặc có giá trị kinh tế cao của tỉnh.

- Tăng cường vai trò cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đo lường pháp quyền và đo lường trong công nghiệp. Tập trung quản lý tốt đo lường tại các nơi có giao nhận hàng hoá lớn, liên quan đến an toàn và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Đẩy mạnh hoạt động trạm cân đối chứng tại các chợ và trung tâm thương mại.

- Hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp từ khâu ứng dụng – phát triển – hàng hóa. Thí điểm hình thành vườn ươm công nghệ, hỗ trợ hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và ươm tạo doanh nghiệp.

3.2. Lĩnh vực y tế, dân số

Chủ động giám sát dịch tễ, đặc biệt đối với các dịch nguy hiểm, giám sát véc tơ, giám sát bệnh nhân phát hiện các yếu tố báo động dịch phát hiện dịch sớm, để có thông báo và hướng dẫn chống dịch kịp thời, khống chế có hiệu quả, không để dịch lan rộng, hạn chế tử vong. Tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá chất lượng, kiểm soát các yếu tố có hại đến sức khỏe liên quan đến môi trường, an toàn thực phẩm, lối sống và hành vi của người dân.

Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, từng bước thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; đồng thời nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Tiếp tục kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các đơn vị theo cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, về tổ chức bộ máy, nhân lực và về tài chính.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch "Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh" tại các cơ sở khám chữa bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp các bệnh viện đạt tiêu chuẩn quy định, môi trường bệnh viện thân thiện, xanh, sạch, đẹp. Khuyến khích đầu tư xã hội hóa phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ như: Xử lý môi trường, chuỗi nhà thuốc, công nghệ thông tin, tư vấn chăm sóc sức khỏe, giám sát, phát hiện sớm các dịch bệnh mới phát sinh, các hoạt động vì sức khỏe môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm...; khuyến khích đầu tư bệnh viện đa khoa tư nhân ở miền núi, vùng nông thôn. Tăng cường cán bộ am hiểu chuyên môn để hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thí điểm phòng khám bác sĩ gia đình lồng ghép với mạng lưới cơ sở y tế sẵn có để quản lý và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình. Đồng thời xây dựng quy chế phối hợp giữa bác sỹ gia đình và các cơ sở khám chữa bệnh để đảm bảo quyền lợi cho người dân.

Duy trì mức sinh thấp hợp lý, khống chế tốc độ tăng nhanh tỷ số giới tính khi sinh, Nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên cơ sở tăng cường việc đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác dịch vụ, kỹ thuật.

Phấn đấu năm 2020, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 16,8%; 8,5 bác sỹ/vạn dân; 34,4 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm y tế đạt 90,6%; tỷ lệ giảm sinh đạt 0,3-0,4‰...

3.3. Về văn hoá, thể thao

- Tổ chức các ngày lễ trọng đại của đất nước, của tỉnh, nhất là Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/2/1930-03/2/2020); Kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2020); Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1980-19/5/2020) gắn với Lễ hội Làng Sen toàn quốc; Kỷ niệm 990 năm danh xưng Nghệ An; Kỷ niệm 90 năm phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (12/9/1930-12/9/2020)... Tiếp tục thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng con người văn hóa, gia đình văn

hóa Nghệ An đáp ứng hội nhập và phát triển. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hóa, thể thao và gia đình.

- Tiếp tục thực hiện Đề án Bảo tồn và Phát huy giá trị di sản dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh sau khi được Chính phủ phê duyệt; Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Thực hiện công tác chống xuống cấp di tích, cắm mốc giới bảo vệ, điều chỉnh khoang vùng bảo vệ, cắm biển chỉ dẫn các di tích, phòng chống mối di tích và lập hồ sơ trình xếp hạng di tích cấp tỉnh, quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; triển khai thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam. Phấn đấu hết năm 2020 có 60% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa đạt tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 84% số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; 62% làng bản, khối phố được công nhận đạt danh hiệu văn hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", đẩy mạnh phong trào "Chạy Olympic sức khỏe toàn dân" trở thành phong trào thường niên và hàng ngày nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và thể chất của dân Nghệ An. Đến cuối năm 2020, có 25% số hộ gia đình được công nhận gia đình thể thao; có 35% số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Xây dựng kế hoạch tập huấn, thi đấu các giải thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá, thể thao nhằm huy động tối đa nguồn lực của xã hội để phát triển.

3.4. Lao động, việc làm, giảm nghèo và các vấn đề an sinh xã hội

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XII) các nội dung về một số vấn đề về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, dân số, kế hoạch hóa gia đình. Chủ động nắm tình hình đời sống nhân dân, nhất là tại các địa phương bị thiệt hại do thiên tai để có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi người có công. Đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", phấn đấu 99,3% hộ chính sách người có công với cách mạng có mức sống trung bình trở lên; 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết việc làm trong nước và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tạo việc làm mới cho 38.068 lao động. Trong đó, xuất khẩu lao động 13.718 người, chiếm 36%; làm việc trong nước 24.350 người chiếm 64%. Tuyển sinh đào tạo cho 68.000 lượt người, trong đó, đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 là 12.900 người. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 65%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề lên 61% so với tổng nguồn lao động xã hội của tỉnh; tỷ lệ nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 17%.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, nhất là đối với các huyện theo Nghị quyết 30a của Chính phủ; vùng miền Tây và ven biển Nghệ An; các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% trở lên ngoài Nghị quyết 30a theo Quyết định của UBND tỉnh. Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 3,0%.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai xây dựng, nâng số xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em lên 93,7%; giảm tối thiểu số trẻ em bị tai nạn thương tích, trẻ em tử vong do đuối nước. Thực hiện có hiệu quả Luật Bình đẳng giới, Đề án "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ trong tình hình mới". Ngăn chặn phát sinh mới các tệ nạn xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác quản lý sau cai nghiện.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA NĂM 2020

1. Tập trung đánh giá, rà soát mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị; xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

- Các cấp, các ngành rà soát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 để đề ra giải pháp tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện kế hoạch ở mức cao nhất. Tiến hành xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 gắn với quá trình xây dựng Báo cáo chính trị phục vụ Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị; trong đó tập trung thực hiện Kế hoạch số 199-KH/TU ngày 17/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Thông báo số 55-TB/TW ngày 20/4/2019 của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW. Tiếp tục thực hiện đồng bộ 05 nhiệm vụ trọng tâm, 10 giải pháp chủ yếu đã được xác định trong Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây Nghệ An; Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 17/8/2018 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai lập Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chuẩn bị và tổ chức tốt Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, tiến tới Đại hội XIII của Đảng.

2. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tập trung khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển nhanh, bền vững; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đồng bộ, toàn diện, thực chất hơn; nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ; tập trung chỉ đạo 5 mũi trọng điểm và 3 vùng trọng điểm trong phát triển kinh tế; xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2020 để tập trung chỉ đạo ngay từ những ngày đầu năm. Bám sát các Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ về điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 để tập trung chỉ đạo thực hiện.

- Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh. Phát triển nông nghiệp đa chức năng dựa trên những lĩnh vực có lợi thế so sánh của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao vào các khâu chính (giống, canh tác, nuôi trồng và bảo quản sau thu hoạch); đồng bộ từ sản xuất đến chế biến sản phẩm đối với 8 nhóm cây trồng và 5 loài vật nuôi chủ lực. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng khai thác lợi thế so sánh của từng vùng. Thực hiện tốt các chính sách đã ban hành, tạo điều kiện để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh xây dựng mô hình sản xuất theo hướng liên kết giữa hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp, thị trường để đưa nông nghiệp lên quy mô lớn, giá trị gia tăng cao. Khuyến khích, tạo điều kiện để hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến (nhất là ở miền Tây Nghệ An).

Tập trung chỉ đạo chuyển diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn gắn với thị trường tiêu thụ. Đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất. Phát triển chăn nuôi cả về số lượng và chất lượng đối với các loại con nuôi chủ lực như bò thịt, bò sữa, lợn và gia cầm. Chuyển đổi từ mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển tập trung, quy mô công nghiệp. Bảo vệ và phát triển tốt diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đẩy mạnh trồng rừng sản xuất, cây gỗ lớn. Thực hiện tốt chính sách cho người bảo vệ rừng để người dân sống được với nghề rừng. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư thâm canh, đưa nhanh các loại con nuôi có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Cơ cấu lại ngành khai thác hải sản theo hướng giảm dần, tiến tới ổn định sản lượng khai thác thủy sản gần bờ, phát triển khai thác hải sản xa bờ gắn với đầu tư các đội tàu có trang thiết bị đồng bộ, hiện đại và các dịch vụ hậu cần nghề cá; gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới trên cơ sở chú trọng phát triển sản xuất; thực hiện đúng kế hoạch, lộ trình các xã về đích nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu; thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới của tỉnh, Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây Nghệ An; chỉ đạo các xã vào cuộc quyết liệt, đặc biệt các xã đăng ký về đích, các xã có số tiêu chí đạt thấp; củng cố, nâng cao chất

lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, nhất là hình thành và phát triển Tổ hợp tác, HTX trong sản xuất nông nghiệp đối với các sản phẩm chủ yếu, có quy mô sản xuất hàng hóa lớn. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả. Tăng cường huy động nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng phát triển những dự án sử dụng công nghệ mới, tiên tiến, đảm bảo về môi trường. Xác định và lựa chọn phát triển nhóm một số sản phẩm công nghiệp có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao. Phát huy tối đa vai trò các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh[63]. Nghiên cứu để phân vùng phát triển công nghiệp hợp lý trong quy hoạch tỉnh, phù hợp với đặc thù của từng vùng, địa phương. Chủ động tham gia và tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới có lợi thế. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phát huy tối đa năng lực hiện có, đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phát huy tối đa năng lực hiện có, đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh. Tổ chức các đoàn làm việc với các doanh nghiệp, nhà máy sản xuất, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp để có phương án xử lý kịp thời. Đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm dự kiến hoàn thành trong năm 2020, như: Nhà máy xi măng Tân Thắng (2 triệu tấn/năm); Tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng Trung Đô (4 triệu m^2/năm); Nhà máy Luxshare-ICT (Nghệ An) trong KCN VSIP (62,85 triệu sản phẩm/năm); các dự án thủy điện (Khe Thơi, Suối Choang, Nậm Giải, Sông Quang, Châu Thôn),...

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam với mục tiêu trở thành khu kinh tế đa ngành, đa chức năng. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp VSIP, Hemaraj, Hoàng Mai, Đông Hồi... để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp. Làm việc với các bộ, ngành để cho phép Khu kinh tế Đông Nam được hưởng chính sách của Khu kinh tế trọng điểm. Phát triển cụm công nghiệp phục vụ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp xen lẫn trong khu vực dân cư, gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường đầu tư của Nhà nước gắn thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa. Nâng cao hơn nữa vai trò của dịch vụ đối với nền kinh tế; hỗ trợ, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác phát triển. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thương mại

---

[63] Chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, đồ uống, cơ khí, năng lượng điện, công nghiệp ô tô, điện tử, công nghệ thông tin, dệt may, vật liệu xây dựng, dược phẩm, hoá chất, công nghiệp hỗ trợ.

trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu, tập trung phát triển thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

Tập trung thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng, trọng tâm là du lịch biển đảo gắn với du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, du lịch sinh thái. Quan tâm phát triển các loại hình du lịch có lợi thế như du lịch cộng đồng. Hình thành các sản phẩm mang thương hiệu du lịch Nghệ An: Khu du lịch quốc gia Kim Liên, đô thị du lịch biển Cửa Lò, trung tâm dịch vụ du lịch thành phố Vinh, du lịch sinh thái Vườn quốc gia Pù Mát; các sản phẩm du lịch gắn với di sản văn hóa phi vật thể Dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh, các khu lưu niệm các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa. Kết nối Nghệ An vào chuỗi giá trị sản phẩm du lịch vùng Bắc Trung Bộ, liên vùng Bắc - Nam Trung Bộ, các trung tâm du lịch Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố trong cả nước cũng như quốc tế bằng đường sắt, đường bộ, đường hàng không để thu hút khách,...

3. Tăng cường công tác đối ngoại; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh; đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển

- Chủ động triển khai các nội dung của Chương trình hoạt động đối ngoại năm 2020. Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: Chủ động triển khai các hoạt động Đối ngoại Đảng, trong đó, tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 92-CTr/TU ngày 23/8/2019 của Tỉnh ủy Nghệ An về thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 28/2/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế. Tổ chức hội đàm cấp cao với Chính quyền các tỉnh Gyeongy (Hàn Quốc), Ulianốp (Liên bang Nga), Gifu (Nhật Bản). Tổ chức các hoạt động trong khuôn khổ năm chéo Việt - Nga. Đảm bảo công tác thông tin đối ngoại và quản lý phóng viên, báo chí nước ngoài tiếp tục triển khai chặt chẽ. Tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động ngoại giao văn hóa. Triển khai đồng bộ, chặt chẽ công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia. Tổ chức quản lý và bảo vệ an toàn hệ thống mốc quốc giới trên thực địa; khảo sát, xây dựng, gia cố lại các cột mốc bị mưa lũ gây thiệt hại. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Lào trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Phối hợp chặt chẽ với Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao để thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác lãnh sự và bảo hộ công dân. Tổ chức Chương trình gặp mặt Kiều bào Nghệ An về thăm quê hương, đón Xuân Canh Tý 2020. Tăng cường các hoạt động đối ngoại nhân dân. Tổ chức Đại hội Hội hữu nghị Việt - Trung nhiệm kỳ 2020 -2025; Đại hội Hội hữu nghị Việt - Lào nhiệm kỳ 2020-2025...

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư nhằm nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số PAPI, Chỉ số Par INDEX, nhất là các chỉ số thành phần còn thấp. Triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh các

sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Nghệ An từ năm 2020. Xử lý nhanh thủ tục hành chính, tạo cơ hội, hỗ trợ và điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

- Đổi mới cách thức xúc tiến đầu tư; chủ động hơn, nhất là trong phối hợp với các tổ chức xúc tiến đầu tư chuyên nghiệp. Chủ động tiếp cận các tập đoàn kinh tế, công ty tư vấn để thu hút đầu tư có hiệu quả. Tăng cường xúc tiến đầu tư vào các thị trường có triển vọng và thế mạnh như: Đông Bắc Á, ASEAN, EU, Hoa Kỳ. Chuẩn bị tốt cho Hội nghị gặp mặt các nhà đầu tư Xuân Canh Tý 2020; các Hội nghị Xúc tiến đầu tư theo chuyên đề. Hợp tác với các Nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp trên địa bàn như VSIP, Hemaraj, Hoàng Mai 1 trong hoạt động xúc tiến, quảng bá cơ hội hợp tác đầu tư vào các Khu công nghiệp. Theo dõi, hỗ trợ nhà đầu tư từ khi thu hút đầu tư đến khi triển khai thực hiện dự án.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế phân công các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc triển khai và giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các dự án của nhà đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm. Phân công các sở, ngành, đơn vị có liên quan tích cực, chủ động theo dõi, bám nắm, có giải pháp cụ thể để tháo gỡ khó khăn, đôn đốc triển khai các dự án đã có chủ trương, giấy phép đầu tư. Chủ động tạo quỹ đất sạch hợp lý, sẵn sàng đón các nhà đầu tư, xóa dần tình trạng nhà đầu tư chờ GPMB quá lâu. Tập trung nguồn lực để lựa chọn đầu tư các hạ tầng thiết yếu tại Khu kinh tế Đông Nam, các khu công nghiệp tập trung theo hướng đầu tư phục vụ thu hút đầu tư.

- Quan tâm rà soát dự án đầu tư, nhất là dự án bất động sản, tập trung kiểm tra dự án, ưu tiên bố trí vốn cho công trình dở dang, kiên quyết chấm dứt và thu hồi đối với những dự án chậm tiến độ không có lý do chính đáng và nhà đầu tư không đủ năng lực thực hiện, tạo điều kiện để các nhà đầu tư khác có năng lực tiếp cận đất đai, đặc biệt là các khu vực đô thị như Vinh, Cửa Lò.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã. Phát triển doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, trong đó có một số doanh nghiệp lớn, nguồn lực mạnh, đóng góp ngày càng nhiều cho tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác đối thoại với doanh nghiệp, giải quyết thực chất, dứt điểm các vướng mắc của doanh nghiệp, công khai kết quả theo dõi, giám sát quá trình xử lý sau đối thoại với doanh nghiệp và đề xuất tới các cơ quan có thẩm quyền nếu có những bất cập trong quy định pháp luật. Khẩn trương, nghiêm túc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, tập huấn, phổ biến pháp luật, mở các lớp đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho bộ phận doanh nghiệp mới thành lập. Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp doanh nghiệp dựa trên nền đổi mới sáng tạo công nghệ; chính sách thu hút đầu tư dự án ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Lồng ghép những chính sách này với các chính sách hỗ trợ nông nghiệp nông thôn, khuyến nông và khuyến công.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tập trung cho đầu tư phát triển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên cơ sở thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công

- Huy động tối đa các nguồn lực, chú trọng nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng ngày càng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, cảng biển, điện, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải, hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề nhằm đáp ứng hạ tầng thiết yếu cho công nghiệp phát triển bền vững. Sử dụng hình thức hợp tác nhà nước và tư nhân là phương thức cơ bản trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng (PPP). Tăng cường các giải pháp xã hội hóa đầu tư, nhất là giao thông nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế. Công khai danh mục kêu gọi đầu tư, thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, chủ động giải phóng mặt bằng, đấu giá đất để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư và xây dựng. Ưu tiên đầu tư để từng bước đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải. Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả đầu tư công theo Luật Đầu tư công; xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Tập trung ưu tiên vốn để đẩy nhanh tiến độ các dự án dở dang sớm hoàn thành để đưa vào sử dụng và các chương trình, dự án trọng điểm; quan tâm bố trí đối ứng các dự án ODA, các dự án hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; xã hội hóa những ngành, lĩnh vực có điều kiện.

- Xây dựng và triển khai thực hiện quy chế vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh theo hướng phù hợp với Luật đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý nợ công, các Văn bản hướng dẫn liên quan và thực tế của địa phương. Chủ động tiếp cận nhà tài trợ, nhằm tranh thủ vận động các dự án có quy mô lớn theo định hướng ưu tiên của tỉnh đã được xác định trong danh mục ưu tiên vận động ODA, phù hợp với tiêu chí tài trợ của nhà tài trợ, nhất là đối với các nhà tài trợ lớn như: WB, ADB, IMF, JICA, KFW... các nhà tài trợ truyền thống như: Nhật Bản, Bỉ, Pháp, Đức... Tích cực kêu gọi vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ các dự án theo Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017-2020.

- Tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công. Cải thiện cân đối ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Tăng cường quản lý ngân sách địa phương bằng nhiều giải pháp đồng bộ để tăng chi đầu tư, nhất là tập trung cho những dự án trọng điểm phục vụ kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển trên tinh thần giảm chi thường xuyên và chi sự nghiệp có tốc độ cao hơn như thời gian vừa qua.

- Kiểm soát chi ngân sách theo hướng phù hợp với khả năng thu và trả nợ, thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát chi. Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu, giảm tình trạng nợ đọng thuế; tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã xác định tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh. Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, tăng tỷ trọng từ nguồn thu xuất nhập khẩu; mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới. Tập trung các giải pháp tăng thu ngân sách như xây dựng cơ chế, chính

sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

5. Rà soát để sửa đổi, bổ sung kịp thời các cơ chế, chính sách cùng với việc xây dựng Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đồng bộ để thực hiện có hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.

Tập trung rà soát các chính sách đã ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và quy định của pháp luật; bãi bỏ hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ các chính sách không hiệu quả để tập trung nguồn lực thực hiện các chính sách trọng tâm, trọng điểm. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, nhất là tập trung chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý kinh tế - xã hội như: quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, giải phóng mặt bằng, lĩnh vực y tế, giáo dục, thu phí, lệ phí, các loại quỹ...

6. Chăm lo thực hiện tốt các lĩnh vực văn hoá - xã hội, chăm lo đời sống cho người dân, bảo đảm tốt an sinh xã hội

- Tăng cường bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể; bảo tồn, gìn giữ giá trị văn hóa dân tộc thiểu số. Huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư tôn tạo các di tích. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hóa; thực hiện tốt cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Quản lý hiệu quả hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật. Quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ. Thực hiện tốt chính sách về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục xây dựng và gìn giữ văn hóa trong nhân dân. Tiếp tục xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển; tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình. Quan tâm phát triển thể dục thể thao, bồi dưỡng tài năng trẻ. Đẩy mạnh phong trào quần chúng tự nguyện tham gia xây dựng các câu lạc bộ thể thao cơ sở. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Huy động tối đa nguồn lực đầu tư từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất trường học; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, rà soát, thẩm định công nhận lại các trường đạt chuẩn sau 5 năm. Tổ chức các kỳ thi đảm bảo an toàn, đúng quy chế. Tiếp tục đổi mới mãnh mẽ công tác quản lý giáo dục; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhà giáo có phẩm chất, năng lực tương ứng với nhiệm vụ đổi mới. Tiếp tục phát huy thành tích chất lượng giáo dục mũi nhọn, quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng giáo dục miền núi. Thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục đào tạo cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách. Tăng cường an ninh, an toàn trường học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, kỹ năng sống cho học sinh, môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương. Tập trung chỉ đạo, triển

khai đồng bộ các giải pháp nhằm chấm dứt các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục như: Tình trạng lạm thu, dạy thêm, học thêm trái quy định, bạo lực học đường. Đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh THCS và THPT vào học nghề.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường giải quyết việc làm cho người lao động; đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động theo hợp đồng; chú trọng giải quyết việc làm cho lao động vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tuyên truyền vận động lao động làm việc tại Hàn Quốc về nước đúng hạn và lao động bất hợp pháp tự nguyện về nước; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hoạt động xuất khẩu lao động. Gắn kết chặt chẽ phát triển giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Quản lý tốt chất lượng đầu ra tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu trong đào tạo nghề phù hợp với thị trường lao động; đào tạo gắn với giải quyết việc làm có thu nhập cho lao động nông thôn, đồng bào dân tộc. Thực hiện nghiêm quy định về an toàn vệ sinh lao động.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ và dân số trong tình hình mới. Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến, giúp đỡ và chuyển giao kỹ thuật cho tuyến huyện để nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, giảm tải cho các bệnh viện tuyến tỉnh; bảo đảm trạm y tế xã thực hiện được các kỹ thuật theo phân tuyến chuyên môn, kỹ thuật được giao. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; chú trọng khâu nối với các bệnh viện tuyến trung ương để đẩy mạnh triển khai thực hiện bệnh viện vệ tinh nhằm chuyển giao kỹ thuật mới phục vụ khám chữa bệnh. Thực hiện tốt đề án Tăng cường bác sỹ cho tuyến y tế cơ sở. Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển y tế ngoài công lập và thúc đẩy hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển. Tăng cường quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; từng bước thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; đảm bảo quyền lợi cho người dân có thẻ bảo hiểm y tế khi đi khám chữa bệnh và quản lý chặt chẽ quỹ BHYT, hạn chế nợ BHYT, hạn chế bội chi quỹ BHYT. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền địa phương về bảo đảm an toàn thực phẩm. Tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động sản xuất, kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; quản lý phòng khám tư nhân, thuốc; phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đẩy mạnh truyền thông và thực hiện phát triển dân số bền vững, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Thực hiện kịp thời các chính sách cho người có công, bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới... Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khuyến khích, tạo điều kiện để người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực, chủ động tham gia, được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản và có cơ hội phát triển sản xuất, kinh doanh. Tích cực triển khai các Nghị

quyết Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, tiền lương. Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và thiết chế văn hóa tại khu công nghiệp. Đẩy nhanh độ bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Chú trọng phòng, chống tệ nạn xã hội. Tổ chức tổng rà soát, phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc tại các đơn vị chưa tham gia và tham gia chưa đầy đủ cho người lao động theo đúng quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ đóng, gian lận, trục lợi BHXH, BHTN. Tổ chức chi trả kịp thời, thuận tiện, đầy đủ, đảm bảo quyền lợi cho người thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN.

- Tiếp tục thực hiện hoạt động KH&CN theo chủ đề thương mại hóa các kết quả nghiên cứu; hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với ứng dụng thực tiễn, gắn với doanh nghiệp, tạo được một số sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt, khối lượng lớn và thương hiệu mạnh từ KH&CN. Ưu tiên đầu tư chuỗi giá trị một số sản phẩm của tỉnh. Tập trung nguồn lực để tác động KH&CN cho một số sản phẩm chiến lược của tỉnh, nhất là nông nghiệp, dược liệu. Phát triển thị trường KH&CN, đổi mới công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tăng cường đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về KH&CN; trong đó, đẩy mạnh hoạt động thẩm định công nghệ, xác lập, khai thác phát triển tài sản trí tuệ và bảo tồn, khai thác, phát triển quỹ gen. Đẩy mạnh công tác truyền thông và thống kê KH&CN; giới thiệu mô hình nghiên cứu khoa học có hiệu quả để ứng dụng và nhân rộng vào sản xuất và đời sống...

7. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý tài nguyên và môi trường

- Kiện toàn thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp. Hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo việc thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Tập trung hướng dẫn, chỉ đạo công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. Xây dựng danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng. Hoàn thành việc ban hành Bảng giá các loại đất tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2024.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" và hoàn thành các Đề án (Tăng cường quản lý đất có nguồn gốc từ nông lâm trường quốc doanh; nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai phục vụ thu hút đầu tư). Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Công ty nông lâm trường; đẩy nhanh tiến độ lập phương án để giao đất, cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất thu hồi của các công ty nông lâm nghiệp.

- Chỉ đạo thực hiện tốt Đề án nâng cao hiệu quả sử dụng đất tỉnh Nghệ An; phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020 cấp tỉnh; tổ chức thực hiện phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 và kế hoạch 2016-2020; Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước mặt đến năm 2025 và tầm nhìn 2035;

Nghị quyết số 08/NQ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh... Có các giải pháp xử lý hiệu quả các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng gây bức xúc trong nhân dân.

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát quy hoạch đất đai, quy hoạch khoáng sản. Thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật về thẩm định nhu cầu, điều kiện, việc giao thuê đất, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn; xác định giá đất, thẩm định, cấp phép đối với các lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường. Tập trung giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện các đề án: "Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Nghệ An"; "Điều tra, khảo sát, lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Nghệ An"; "Điều tra, đánh giá hiện tượng xâm nhập mặn ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội các huyện ven biển để ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng" và "Thống kê, đánh giá và đề xuất các giải pháp quản lý phát khí thải nhà kính".

8. Đẩy mạnh cải cách hành chính; sắp xếp tổ chức, bộ máy; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Chỉ đạo quyết liệt việc triển khai, thực hiện cải cách hành chính từ tỉnh đến cơ sở, trong mỗi cơ quan, đơn vị. Đề cao hơn nữa và gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện CCHC. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện CCHC ở các cấp, trong các cơ quan, đơn vị nhằm đẩy mạnh CCHC. Thực hiện đánh giá, xếp loại, xếp hạng CCHC các sở, ngành, địa phương khách quan, chính xác. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với việc cung cấp các dịch vụ công của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện có hiệu quả, đúng thực chất, có chất lượng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; vận hành có hiệu quả Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Nghệ An. Nghiên cứu sớm xây dựng chuyên mục để cung cấp thông tin về đấu giá đất cho người dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định gắn với thực hiện đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đề án và kế hoạch được phê duyệt. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn việc sáp nhập các xã, khối, xóm và giải quyết chế độ, chính sách, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan sau sáp nhập.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt việc phân công, phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao tinh thần và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công khai, minh bạch

và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị. Tổ chức sát hạch, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Nghệ An. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác, vận hành có hiệu quả phần mềm VNPT-IOffice; khai thác có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên cổng dịch vụ công trực tuyến, khai thác có hiệu quả hệ thống thư điện tử; thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

- Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước. Xây dựng chính quyền phục vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, đưa vào nề nếp việc kiểm điểm tiến độ và kết quả thực hiện chương trình công tác đã đề ra. Phân công trách nhiệm chỉ đạo cụ thể, toàn diện của từng cá nhân lãnh đạo. Nắm bắt thông tin và kiến nghị từ cơ sở để có phương án, biện pháp xử lý kịp thời. Quan tâm giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của HĐND tỉnh.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

- Chỉ đạo các lực lượng tăng cường phối hợp quản lý, nắm chắc tình hình, tham mưu xử lý tốt các vấn đề nảy sinh ở cơ sở, không để xảy ra bị động, bất ngờ. Duy trì nghiêm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; sẵn sàng cơ động lực lượng, phương tiện tham gia phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng, văn hóa, truyền thông, các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn, hội nghị, các mục tiêu trọng điểm về an ninh quốc gia.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm; trấn áp, triệt phá tội phạm có tổ chức, băng nhóm hoạt động kiểu "xã hội đen"; ngăn chặn hiệu quả hoạt động tín dụng đen, quản lý chặt chẽ đối với dịch vụ thu nợ, đòi nợ thuê. Triển khai có hiệu quả công tác phòng chống tội phạm mua bán người. Bảo đảm an toàn thông tin mạng và không gian mạng. Tăng cường truyền thông và an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ, bảo đảm an toàn cuộc sống của người dân. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; xử lý nghiêm tình trạng vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, nhất là tình trạng xe quá khổ, quá tải; phấn đấu giảm tai nạn trên cả 3 tiêu chí từ 5-10%; giải tỏa hành lang an toàn giao thông, nhất là tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

- Đẩy mạnh giải quyết, xét xử các loại án, tập trung giải quyết các vụ, việc dân sự và hành chính; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế; công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; tăng cường công tác xét xử lưu động để tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân thông qua các phiên tòa; chú trọng nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm từ

đó nâng cao chất lượng xét xử, giải quyết các vụ án; tập trung công tác thi hành án dân sự liên quan đến ngân hàng và tổ chức tín dụng.

10. Tăng cường phòng chống tham nhũng, lãng phí; quan tâm công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phòng chống tham nhũng và các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống, phát hiện tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực; xử lý nghiêm các vi phạm. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các vụ án tham nhũng, triệt để thu hồi tài sản bị thất thoát; có giải pháp cụ thể thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi).

- Thực hiện tốt chế độ công khai, minh bạch về kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước; công khai minh bạch về cơ chế, chính sách, các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm từ ngân sách nhà nước, huy động đóng góp của nhân dân, quản lý và sử dụng đất đai, khoáng sản, tài sản công, công tác tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ. Xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai cán bộ tham nhũng; tổ chức, cá nhân gây thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước và nhân dân.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc mới phát sinh từ cơ sở.

11. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch 5 năm 2016-2020, tạo đà cho thực hiện kế hoạch 2021-2025

- Làm tốt công tác thông tin truyền thông, phát huy vai trò báo chí cách mạng. Triển khai có hiệu quả công tác thông tin truyền thông, chủ động cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định. Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn. Tập trung tuyên truyền xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc; có giải pháp khắc phục tình trạng đưa tin sai sự thật trên mạng xã hội để chống phá Đảng, Nhà nước.

- Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát cán bộ, công chức, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; cổ vũ, động viên phong trào tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Làm tốt công tác dân vận; tuyên truyền vận động, tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết

toàn dân tộc trong xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Kịp thời tuyên truyền các giải pháp của Chính phủ, UBND tỉnh trong điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tuyên truyền về những sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh. Tăng cường tổ chức đối thoại và tiếp nhận các ý kiến phản biện chính sách để tạo sự đồng thuận cao và phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch 5 năm 2016-2020, tạo đà cho việc thực hiện kế hoạch 2021-2025./.

Nơi nhận:
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, PVP UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, TH (M. Thương).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Vinh

Biểu số 1 **Nghệ An**

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ước thực hiện 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện 2019	Ước TH 2019/TH 2018 (%)		
1	**Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP** *(giá cố định năm 2010)*	Tỷ đồng	**80.971**	**96.101**	**88.251**		**88.258,6**	**109,03**	**96.178,7**	**109,0**
	+ Nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	16.802	18.270	17.525		17.610	104,81	18.350	104,2
	+ Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	24.615	33.900	28.430		27.940	113,51	31.852	114,0
	Trong đó:									
	Công nghiệp	*Tỷ đồng*	15.359	21.000	*18.292*		17.650	114,92	20.303	115,0
	Xây dựng	*Tỷ đồng*	*9.256*	12.900	*10.138*		10.290	111,17	*11.549*	112,2
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	35.649	38.926	38.215		38.326	107,51	41.200	107,5
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	3.906	5.005	4.081		4.382	112,20	4.776	109,0
2	**Tăng trưởng GRDP (giá so sánh)**	%	**8,77**		**9,5**		**9,03**		**9,0**	
	+ Nông, lâm, thủy sản	"	5,04		5,03		4,81		4,2	
	+ Công nghiệp - Xây dựng	"	15,04		15,7		13,51		14,0	
	+ Dịch vụ	"	6,96		7,5		7,51		7,5	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	4,96		7,0		12,20		9,0	
3	**GRDP** *(giá hiện hành)*	Tỷ đồng	**120.935**	**225.500**	**137.384**		**136.512**	112,88	**155.180**	**113,7**
	+ Nông, lâm, ngư nghiệp	Tỷ đồng	27.070	40.761	26.871		29.157	107,71	31.781	109,0
	+ Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	33.561	92.438	44.659		40.362	120,26	48.435	120,0
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	54.309	92.300	58.935		60.213	110,87	67.439	112,0
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	5.995		6.918		6.779	113,08	7.525	111,0
4	**GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)**	**triệu đồng**	**36,64**	**70-75**	**42-43**		**43,08**		**46**	
5	**Cơ cấu GRDP** *(giá hiện hành)*		**100**	**100**	**100**		**100**		**100**	
	+ Nông, lâm, ngư nghiệp	%	22,38	18-20	19-20		21,36		20,48	
	+ Công nghiệp - Xây dựng	"	30,23	40-41	35-36		32,05		33,71	
	+ Dịch vụ	"	47,39	40-41	43-44		46,59		45,86	
6	**Giá trị sản xuất** *(giá cố định năm 2010)*	Tỷ đồng	**179.473**	**228.663**	**198.005**		**198.740**	**110,74**	**222.414**	**111,9**
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	"	32.562	35.889	34.344		34.180	104,97	35.718	104,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ước thực hiện 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện 2019	Ước TH 2019/TH 2018 (%)		
	- Công nghiệp, xây dựng	"	90.259	132.179	104.699		103.381	114,54	120.439	116,5
	+ *Công nghiệp*	"	58.132	78.757	69.757		67.665	116,40	80.000	118,2
	+ *Xây dựng*	"	32.127	53.422	34.943		35.716	111,17	40.439	113,2
	- Dịch vụ	"	56.652	60.596	58.962		61.178	107,99	66.256	108,3
7	**Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)**	**Tỷ đồng**	**14.065,6**	**25.000-30.000**	**13.498,0**	**12.947,85**	**15.500,3**	**110,20**	**15.216,0**	**98,17**
	Trong đó:									
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	1.571,2		1.700	1.345,75	1.700	108,20	1.800	105,88
	- Thu nội địa	Tỷ đồng	12.500,3		11.798	11.602,10	13.800	110,40	13.416	97,22
8	**Chi ngân sách địa phương**	**Tỷ đồng**	**25.760**	**25.000**	**24.344,15**	**20.093,20**	**24.945,45**		**27.118,9**	
	Trong đó:									
a)	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản	Tỷ đồng	9.066,0		5.193,31	4.557,65	5.656,37		6.591,3	
b)	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	16.325		18.740,07	15.239,75	18.878,30		20.078	
9	**Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn**	**Tỷ đồng**	**70.000**	**400.000 (cả giai đoạn)**	**74.000**		**76.000**	108,57	**84.000**	**110,53**

Biểu số 2 **Nghệ An**

CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2019 so với TH 2018 (%)		
I	**NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN**									
1	**Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn**									
1.1	Cây lương thực:									
	Tổng diện tích	Ha	234.722	230.000	241.000	233.838	233.838	99,6	234.000	100,1
	Sản lượng lương thực quy thóc	Tấn	1.215.939	1.194.650	1.245.680	1.214.126	1.214.126	99,9	1.212.700	99,9
	Trong đó: + Lúa	"	1.009.124	936.650	*990.080*	*998.369*	*998.369*	98,9	*986.500*	*98,8*
	+ Ngô	"	*206.815*	*258.000*	*255.600*	*215.757*	*215.757*	104,3	*226.200*	*104,8*
a	Cây lúa cả năm:									
-	Diện tích:	Ha	186.358	170.000	182.000	187.089	187.089	100,4	182.000	97,3
-	Năng suất:	Tạ/ha	54,15	55,10	54,40	53,36	53,4		54,2	101,6
-	Sản lượng:	Tấn	1.009.124	936.650	990.080	998.369	998.369	98,9	986.500	98,8
b	Cây Ngô cả năm:									
-	Diện tích:	Ha	48.364	60.000	59.000	46.749	46.749	96,7	52.000	111,2
-	Năng suất:	Tạ/ha	42,76	43,00	43,3	46,2	46,2	107,9	43,5	94,3
-	Sản lượng:	Tấn	206.815	258.000	255.600	215.757	215.757	104,3	226.200	104,8
1.2	Cây công nghiệp ngắn ngày									
a	Cây sắn nguyên liệu vùng quy hoạch									
-	Diện tích	Ha	7.300	7.000 - 8.000	7.300	7.300	7.300	100,0	7.300	100,0
-	Năng suất:	Tạ/ha	350	400	370		370	105,7	380	102,7
-	Sản lượng:	Tấn	255.500	280.000	270.100		270.100	105,7	277.400	102,7
a	Cây Lạc									
-	Diện tích:	Ha	14.141	20.000	15.500	13.505,0	13.505	95,5	14.500	107,4
-	Năng suất:	Tạ/ha	25,88	26,00	26,0	26,0	26	100,5	26,0	100,0
-	Sản lượng:	Tấn	36.598	52.000	40.300	35.113	35.113	95,9	37.700	107,4
b	Cây Mía nguyên liệu									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2019 so với TH 2018 (%)		
-	Tổng diện tích	Ha	24.921	28.400	26.500	22.885	22.885	91,8	26.000	113,6
-	Năng suất:	Tạ/ha	608,72	704,23	630	630	630		630	100,0
-	Sản lượng:	1000 tấn	1.517	2.000	1.670	1.442	1.442	95,1	1.638	113,6
1.3	Cây ăn quả:									
*	Cam, quýt tập trung									
-	Tổng diện tích:	Ha	6.156	6.500	6.200	7.757	7.757	126,0	7.500	96,7
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	3.050	2.300	3.000	3.500	3.500	114,8	3.700	105,7
+	Năng suất:	Tạ/ha	155,57	156,52	166	166	166,0	106,7	166	100,1
+	Sản lượng	Tấn	47.450	36.000	49.800	58.100	58.100	122,4	61.500	105,9
*	Cây chanh leo									
-	Tổng diện tích	Ha	400	900	500	500	500	125,0	700	140,0
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	320	900	500	500	500	156,3	700	140,0
-	Năng suất:	Tạ/ha	263	500	265	265	265	101,0	270	101,9
-	Sản lượng chanh leo	Tấn	8.400	45.000	13.250	13.250	13.250	157,7	18.900	142,6
1.4	Cây công nghiệp dài ngày:									
a	Cây chè công nghiệp									
-	Tổng diện tích:	Ha	7.696	10.000	8.300	7.500	7.500	97,5	8.000	106,7
-	Diện tích Kinh doanh	Ha	6.346	9.500	6.800	6.800	6.800	107,2	6.800	100,0
-	Năng suất:	Tạ/ha	121,52	130,00	115	115	115	94,6	118	102,7
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	77.116	123.500	78.200	78.200	78.200	101,4	80.300	102,7
b	Cây Cao su									
-	Tổng diện tích:	Ha	11.712	17.000	12.800	11.737	12.000	102,5	12.500	104,2
	Tr.đó: Diện tích Kinh doanh:	Ha	4.373	11.000	6.500	6.500	6.500	148,6	6.800	104,6
-	Năng suất:	Tạ/ha	11,93	12,73	11,8	11,5	11,5	96,7	11,8	102,0
-	Sản lượng cao su mủ khô	Tấn	5.216	14.000	7.500	7.500	7.500	143,8	8.000	106,7
c)	Cây dược liệu	Ha	1.039	1.500	800	1.200	1.200	115,5	1.500	125,0
2	**Chăn nuôi**									
-	Tổng đàn trâu:	1000Con	275,65	330	280,00	274,076	280	101,6	276,00	98,6
-	Tổng đàn bò:	1000con	470,39	450	485,00	473,19	485	103,1	498,0	102,7

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2019 so với TH 2018 (%)		
-	Tổng đàn lợn	1000con	912,5	1.400	1.000	917,668	940	103,0	1.000	106,4
-	Tổng đàn gia cầm	1000con	23.643	18.000-18.500	23.000-24.000	24.969	25.000	105,7	25.500	102,0
-	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	219.943	255.000	245.000	215.000	237.000	107,8	258.000	108,9
-	Sản lượng sữa tươi	Triệu lít	220,8	450	250	129,741	250	113,2	250	100,0
3	**Lâm nghiệp**									
-	Bảo vệ rừng	ha	951.400	923.300	951.400	951.400	951.400	100,0	951.400	100,0
-	Khoanh nuôi rừng	ha	76.000	78.000	76.000	76.000	76.000	100,0	76.000	100,0
-	Chăm sóc rừng trồng	ha	46.740	25.463	46.740	46.740	46.740	100,0	46.740	100,0
-	Rừng trồng mới tập trung	ha	19.314	15.000	17.000	15.172	18.500	95,8	17.000	91,9
-	Khai thác gỗ	m3	961.393	900.000	680.000	919.056	1.200.000	124,8	1.380.000	115,0
-	Tỷ lệ che phủ rừng	%	57,7	57	57,72	58	58	100,5	58,2	
4	**Thuỷ sản**									
a	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thuỷ sản	Tấn	202.332	150.000-200.000	199.000	191.091	220.000	108,7	232.000	105,5
-	Khai thác thủy sản	Tấn	149.367	100.000-150.000	147.000	142.494	165.000	110,5	175.000	106,1
-	Sản lượng nuôi trồng thuỷ sản	Tấn	*52.965*	50.000	52.000	48.597	55.000	103,8	57.000	103,6
b	Diện tích nuôi trồng Thủy sản	ha	21.367	21.000	21.000	21.008	21.400	100,2	21.000	98,1
-	Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	*18.954*	18.500	18.700	18.608	19.000	100,2	*18.600*	97,9
-	Diện tích nuôi mặn lợ	Ha	*2.413*	2.500	2.300	2.400	2.400	99,5	*2.400*	100,0
c	Sản xuất con giống									
-	Lượng tôm giống P15	triệu.con	*1.930*	1000-1200	1.400	2.131	2.200	114,0	2.200	100,0
-	Sản xuất cá bột	triệu.con	*735*	500-700	700	623	735	100,0	750	102,0
5	**Phát triển nông thôn**									
a	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	81	85	82,5	83,00	83,0		85,0	
b	Xây dựng nông thôn mới									
-	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM (lũy kế)	Đơn vị	3		4	4	4		6	
-	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	218	265	245	225	258		283	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2019 so với TH 2018 (%)		
	Trong đó, số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm	*xã*	*37*		*27*	*7*	*40*		*25*	
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	50,58	61,50	56,84	52,20	59,9		65,66	
-	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	tiêu chí	15,37	16,59	16,0	15,96	16,10		16,8	
II	**SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**									
	Một số sản phẩm chủ yếu:									
	- Khai thác mỏ									
-	Quặng thiếc và tinh quặng thiếc	Tấn	217	2.000	400	192	260	119,82	270	103,85
-	Khai thác đá xây dựng	1000m3	4.500	7.000	6.000	2.800	3.500	77,78	4.500	128,57
-	Than sạch	1000T	15	18	15	13,5	17	113,33	15	88,24
	- Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng									
-	Bột đá trắng các loại	Tấn	600.000	1.000.000	620.000	855.000	1.080.000	180,00	1.100.000	101,85
-	Đường kính	Tấn	127.000	180.000	130.000	105.764	133.000	104,72	135.000	101,50
-	Đường lòng glucose	Tấn							20.000	
-	Sữa chế biến	1000.lít	206.000	450.000	236.000	196.026	236.000	114,56	250.000	105,93
-	Chè búp khô	Tấn	12.500	17.000	13.000	10.063	13.000	104,00	13.000	100,00
-	Thức ăn gia súc tổng hợp	Tấn	103.000	200.000	150.000	112.448	150.000	145,63	180.000	120,00
-	Hải sản đông lạnh	Tấn	6.600	40.000	7.000	5.018	7.000	106,06	7.000	100,00
-	Nước mắm	1000lit	135.000	150.000	150.000	121.000	150.000	111,11	150.000	100,00
-	Cá đóng hộp	Tấn	35.000	5.500	37.500	24.702	37.700	107,71	45.000	119,36
-	Dầu thực phẩm	Tấn	34.000	40.000	34.000	28.303	34.000	100,00	34.000	100,00
-	Quần áo các loại	1000SP	27.000	35.000	33.000	35.200	40.000	148,15	50.000	125,00
-	Bia các loại	1000 lít	195.000	280.000	250.000	149.000	181.500	93,08	195.000	107,44
-	Mì ăn liền	Tr gói							600	
-	Nước tăng lực 24/7	Tr. Lít							40	
-	Sản phẩm may khác	1000.SP	16.500	17.000	17.000	12.500	13.500	81,82	15.000	111,11
-	Sợi các loại	tấn	19.800	20.000	20.000	12.730	16.500	83,33	18.000	109,09
-	Giấy các loại	tấn	15.000	15.000	15.000	11.970	15.000	100,00	19.000	126,67

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2019 so với TH 2018 (%)		
-	Bao bì các loại	Nghìn bao	70.000	80.000	80.000	47.663	62.000	88,57	80.000	129,03
-	Hộp bia lon	Triệu vỏ	720		750	586	750	104,17	750	100,00
-	Gỗ MDF+ ván thanh	1000m3	200	400	300	125	158	79,00	200	126,58
-	Dăm gỗ	Tấn					580.000		600.000	103,45
-	Viên nén sinh khối	Tấn							150.000	
-	Giày dép	1000 đôi							1.500	
-	Tinh bột sắn	Tấn	65.000	65.000	65.000	55.193	65.000	100,00	65.000	100,00
-	Nước uống tinh khiết đóng chai	1000 lít	6.000	15.000	15.000	27.000	32.000	533,33	35.000	109,38
	-Vật liệu xây dựng, nội thất									
-	Xi măng	1000Tấn	4.500	8.000	4.500	5.876	6.800	151,11	7.200	105,88
-	Clinke bán ra	1000Tấn	2.800		3.000	1.850	2.300	82,14	2.300	100,00
-	Gạch nung quy chuẩn	Tr.viên	750	900	720	620	750	100,00	770	102,67
-	Đá xẻ ốp lát	1000m2	3.200	2.500	3.100	3.230	3.400	106,25	3.200	94,12
-	Ống nhựa tiền phong	Tấn			20.000				20.000	
-	Kính cường lực	1000m2							120	
-	Gạch ốp lát các loại	1000m2							4.000	
	-Hoá chất, phân bón									
-	Phân bón NPK	Tấn	65	300	70	55	75	115,38	75	100,00
	-Cơ khí chế tạo, điện tử									
-	Bật lửa ga	triệu SP	105	200	120	55	75	71,43	75	100,00
-	Bồn nước các loại	Sản phẩm	200.000		240.000	160.000	195.000	97,50	195.000	100,00
-	Linh kiện điện tử	triệu SP	135		150	135	180	133,33	260	144,44
-	Sản phẩm Tôn, thép Hoa Sen	Tấn	730.000		750.000	484.000	610.000	83,56	650.000	106,56
	- Công nghiệp điện nước									
-	Nước máy	1000m3	31.000	30.000	30.200	25.693	31.000	100,00	32.000	103,23
-	Điện thương phẩm	Tr.KWh	33.000	3.000	3.800	3.040	3.800	11,52	3.900	102,63
-	Điện sản xuất	Tr.KWh	3.109	4.500	3.500	2.729	3.056	98,31	3.300	107,98
III	**DỊCH VỤ**									
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	53.700	76.000	59.900	52.406	63.400	118,06	70.000	110,41
2	Doanh thu dịch vụ									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2019 so với TH 2018 (%)		
-	Doanh thu hoạt động dịch vụ phân theo nhóm ngành (trừ dịch vụ ăn uống, du lịch, lữ	Tỷ đồng	5.719		5.900	5.282	6.350	111,03	7.130	112,28
-	Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, lữ hành	Tỷ đồng	8.655		10.000	7.645	10.000	115,54	11.000	110,00
3	**Du lịch**									
a	Doanh thu dịch vụ du lịch	Tỷ đồng	3.743	5.000	4.400	4.100	4.580	122,36	5.260	114,85
b	Tổng lượt khách lưu trú	Nghìn lượt	4.292	5.000	4.650	4.230	4.700	109,51	5.100	108,51
-	Số lượt khách quốc tế	"	129	170	145	129	145	112,67	170	117,24
-	Số lượt khách nội địa	"	4.163	4.830	4.505	4.101	4.555	109,41	4.930	108,23
4	**Vận tải hành khách và hàng hoá**									
a	Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Triệu tấn.Km	3.039	3.500	3.237	2.858	3.300	108,59	3.500	106,06
b	Doanh thu vận tải hàng hóa	Tỷ đồng	5.642	6.700	6.037	5.383	6.400	113,43	6.700	104,69
c	Số lượng hành khách luân chuyển	Triệu	6.982	8.000	7.457	6.862	7.680	110,00	8.000	104,17
d	Doanh thu vận tải hành khách	Tỷ đồng	2.084	2.500	2.247	2.048	2.650	127,16	2.500	94,34
5	**Xuất nhập khẩu**									
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.050	1.200	1.090	933	1.100	104,76	1.200	109,09
a	*Hàng hoá*	*Triệu USD*	750	850	780	657	795	106,00	*850*	106,92
b	*Dịch vụ thu ngoại tệ và xuất khẩu lao động*	*Triệu USD*	300	350	310	276	305	101,67	*350*	114,75
2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	518	710	520	676	720	139,00	710	98,61
V	**PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, HTX**									
1	**Doanh nghiệp nhà nước**									
-	Tổng số doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn	Doanh nghiệp	17	17	17	17	17		17	100,00
	Trong đó:									
	+ Số doanh nghiệp giữ nguyên 100% vốn nhà nước	Doanh nghiệp	15	10	14	14	14	93,3	10	71,43
	+ Số doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa	Doanh nghiệp	2	7	3	3	3	150,0	7	233,33
2	**Phát triển doanh nghiệp**									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Mục tiêu đến năm 2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2020 so với ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH 2019 so với TH 2018 (%)		
-	Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn (lũy kế đến kỳ báo cáo)	Doanh nghiệp	11.706		11.800	12.317	12.500	106,78	12.510	100,08
-	Số doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới trên địa bàn	Doanh nghiệp	1.909	1.500	1.800	1.505	1.800	94,29	1.800	100
-	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới trên địa bàn	Tỷ đồng	10.500	10.500	10.400	13.776	14.000	133,33	14.000	100
-	Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động trên địa bàn	Doanh nghiệp	288		110	75	110	38,19	110	100
-	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Người	202.000		220.000		220.000	108,91	220.000	100
3	**Hợp tác xã**									
-	Tổng số HTX trên địa bàn (luỹ kế đến kỳ báo cáo)	HTX	731	750	771	759	771	105,5	811	105,2
	Trong đó:									
+	Số HTX thành lập mới	HTX	93	160	40		40	43,0	40	100,0
+	Số HTX giải thể	HTX								
-	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	266.921	350.000	290.025		290.025	108,7	290.655	100,2
-	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	53.890	54.900	54.341		54.341	100,8	54.841	100,9
	Trong đó: Số lao động là thành viên HTX	Người	51.190	66500	52.100		52.100	101,8	52450	100,7
-	Tổng doanh của HTX	Trđ/năm	1.754.400	2.000.000	1.907.454		1.907.454	108,7	2.000.000	104,9
-	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Trđ/năm	33	36,5	35,1		35,1	108,0	36,5	104,0
4	**Liên hiệp HTX**									
-	Tổng số liên hiệp HTX (luỹ kế đến kỳ báo cáo)	LH HTX	2	1	2		2	100,0	3	150,0
	Trong đó: Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	0	1	0		0		1	
5	**Tổ hợp tác**									
-	Tổng số tổ hợp tác	THT	2.974	3255	2995		2995	100,7	3016	100,7
	Trong đó: Số THT có chứng thực	THT	270	1627	294		294	108,9	319	108,5

Biểu số 3

Nghệ An

CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2016-2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	KH2020/ ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước TH cả năm	ƯTH 2019/TH 2018 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8/4	10	11=10/8
I	**DÂN SỐ**									
	- Dân số trung bình	Ngàn người	3.157		3.169	3.327	3.330	105,48	3.364	101,02
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,8	74	73,9		73,9	100,14	74	100,14
	- Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,3	0,3-0,4	0,3-0,4		0,3	100,00	0,3	100,00
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	trẻ	114		114		114	100,00	114	100,00
II	**LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM**									
	- Tổng số lao động đang làm việc	Ngàn người	1.899	2000-2100	1.905	1.910	1.912	100,68	1.927	100,78
	- Số lao động được tạo việc làm mới	Ngàn người	37,56	35-40	37-38	33,65	37,9	101,03	38,07	100,32
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Ngàn người	13,655	12,5	12,600	11,06	13,66	100,05	13,72	100,41
	- Tỷ lệ lao động làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo	%	61	65-70	63	62,3	63	103,28	65	103,17
III	**GIẢM NGHÈO** (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)									
	- Tổng số hộ của toàn tỉnh	Hộ	936.975		937.850		937.850	100,09	943.570	100,61

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2016-2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	KH2020/ ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước TH cả năm	ƯTH 2019/TH 2018 (%)		
	- Số hộ nghèo	Hộ	51.949		37.479		37.479	72,15	29.200	77,91
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	5,54		4,00		4,00	72,20	3,00	75,00
	- Số hộ được cứu đói trong năm	Hộ	32.941		42.410		42.410	128,75	40.290	95,00
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,00		1,54		1,54	77,00	1,00	64,94
	- Số hộ cận nghèo	Nghìn hộ	81.669		77.669		77.669	95,10	74.169	95,49
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	*8,72*		*8,77*		*8,28*	94,95	*7,86*	94,93
	- Số hộ thoát nghèo	Nghìn hộ	18.039		17.850		14.500	80,38	9.500	65,52
	- Số hộ tái nghèo	Nghìn hộ	1.188		1.650		750	63,13	520	69,33
IV	**CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU**									
	- Tổng số xã của toàn tỉnh/thành phố	Xã	480	480	480		480	100	460	95,83
	Trong đó:									
	+ Số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của C	Xã	107	99	99		99	100	99	100,00
	+ Số xã biên giới	Xã	27	27	27		27	100	27	100,00
	+ Số xã bãi ngang	Xã	12		12		12	100	12	100,00
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	478		478		478	100	458	95,82
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%	99,58		99,58		99,58	100,00	99,58	100,00
	+ Số xã có trạm y tế	Xã	480	480	480		480	100	460	95,83
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100		100	100	100	100,00

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2016-2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	KH2020/ ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước TH cả năm	ƯTH 2019/TH 2018 (%)		
	+ Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	Xã, phường	256		340		340	132,81	340	100,00
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã	404		404		404	100	404	100,00
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%	84,17		84,17		84,17	100,00	84,17	100,00
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	xã	306		306		306	100	306	100,00
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%	63,75		63,75		63,75	100	63,75	100,00
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,8		99,8		99,8	100	99,8	100,00
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch	%								
	Trong đó:									
	+ Đối với đô thị loại 4 trở lên	%	87	90	89		89	102,30	90	101,12
	+ Đối với đô thị loại 5	%	76	80	78		78	102,63	80	102,56
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	81,0	85	82,5		83	101,85	85	103,03
V	**Y TẾ - XÃ HỘI**									
	- Số cơ sở y tế	Cơ sở	517		531		531		531	
	Trong đó:									
	+ Bệnh viện công	Cơ sở	49		49		49		49	
	+ Bệnh viện tư	Cơ sở	14		14		14		14	
	- Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	28	30	34		34	121,43	34,4	101,18
	- Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	7,9	8,50	8,2		8,2	103,80	8,5	103,66

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2016-2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	KH2020/ ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước TH cả năm	ƯTH 2019/TH 2018 (%)		
	- Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	90	90	90		90	100,00	90	100,00
	- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	89		90		90,6	101,80	92	101,55
	- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	6,6	<11	<6.6		<6.6		<6.6	
	- Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	‰	<9.6	<15	8		8		8	100,00
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	<17	16,6	17		17		16,8	
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường	402		426		426	105,97	450	105,63
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	83,75		88,75		88,75	105,97	93,75	105,63
VI	**BẢO HIỂM XÃ HỘI**									
	- Tỷ lệ số người tham gia BHXH/LLLĐ	%	14,72		15,09		15,09	102,51	16,09	106,63
	- Tỷ lệ dân số tham gia BH YT	%	87,91		90,13	88,11	90,50	102,95	90,60	100,11
VII	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**									
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học cơ sở	%	98,70	95,00	98,70	98,60	98,60	99,90	97,10	98,48
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	70,37	70,00	71,36	72,78	73,34	104,22	73,34	100,00
	- Mầm non	%	68,80	70,00	70,60	71,00	72,00	104,65	72,00	100,00
	- Tiểu học	%	86,14	85,00	86,14	86,70	86,70	100,65	86,70	100,00
	- Trung học cơ sở	%	52,70	60,00	53,70	57,40	58,58	111,16	58,58	100,00

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2016-2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	KH2020/ UTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước TH cả năm	UTH 2019/TH 2018 (%)		
	- Trung học phổ thông	%	62,90	65,00	65,70	65,70	65,70	104,45	65,70	100,00
VIII	**VĂN HÓA, THỂ THAO**									
	- Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	83,5	83-85	83,6		83,6	100,12	84	100,48
	- Tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hóa	%	60	60-62	61		61	101,67	65	106,56
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế VH đạt tiêu chí của Bộ VHTTDL	%	45	60-65	52	54,79	55	121,76	60	109,51
	- Tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%	33	32-35	33,5	33,3	33,5	101,52	34	101,49
	- Tỷ lệ gia đình thể dục, thể thao	%	22,7	23-25	23	22,9	23	101,32	23,5	102,17
VIII	**MÔI TRƯỜNG**									
	- Tỷ lệ dự án đầu tư ngoài khu kinh tế và các khu công nghiệp được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	%	31	100	36	34	34	109,68	37	108,82
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô xả thải lớn theo quy định đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động	%	54	100	66,7	70	75	138,89	100	133,33
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh được thanh, kiểm tra, hướng dẫn về công tác bảo vệ môi trường (thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường)	%	76	100	80	89	92	121,05	100	108,70
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý STNMT đạt quy chuẩn môi trường (thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường)	%	56,6	80	62	88	91	160,78	93	102,20
	- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được đưa ra khỏi danh mục	%	54,5	85	62	71	74	135,78	85	114,86

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2016-2020	Năm 2019				Kế hoạch 2020	KH2020/ ƯTH 2019 (%)
					Kế hoạch	10 tháng	Ước TH cả năm	ƯTH 2019/TH 2018 (%)		
	- Tỷ lệ làng nghề được khuyến khích phát triển đảm bảo môi trường	%	55	80	68	78	78	141,82	80	102,56
	- Tỷ lệ thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại trong hoạt động sản xuất kinh doanh (số liệu của Sở TNMT)	%	80	85	85	90,6	90,6	113,25	92	101,55
	- Tỷ lệ điểm ô nhiễm tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật được điều tra, khoanh vùng, lập dự án xử lý	%	30	100	52	28	30	100,00	100	333,33